

## TRÌNH BỘ

*Dự thảo Thông tư quy định các chỉ tiêu thông tin để thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử*

Thực hiện chương trình công tác của Bộ Tài chính năm 2022, để đảm bảo sau khi Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được Chính phủ ký ban hành thì các nội dung tại Nghị định quy định do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đồng thời với hiệu lực của Nghị định, Tổng cục Hải quan đã hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định các chỉ tiêu thông tin để thực hiện thủ tục hải quan, cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Ngày 31/12/2021, Bộ Tài chính có tờ trình số 249/TTr-BTC trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

2 Ngày 10/5/2022, Bộ Tài chính có tờ trình số 102/TTr-BTC trình Chính phủ về việc chỉnh lý, bổ sung tờ trình số 249/TTr-BTC ngày 31/12/2021.

3. Theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Hải quan quy định: “*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này*”

4. Theo quy định tại các Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 dự thảo Nghị định quy định về việc các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành.

Vì vậy, để đảm bảo việc triển khai Nghị định khi được Chính phủ ban hành Bộ Tài chính cần thiết phải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện.

## **II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ:**

1. Ngày .... Tổng cục Hải quan có văn bản xin ý kiến của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố. Trên cơ sở ý kiến của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan hoàn thiện dự thảo Thông tư để trình Bộ lấy ý kiến các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố.

2. Ngày .... , Tổng cục Hải quan có công văn số ..... gửi Công thông tin điện tử Chính phủ, Công thông tin điện tử Bộ Tài chính đăng tải trên trang tin điện tử để các tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

3. Ngày ...., Bộ Tài chính đã có công văn số ..... xin ý kiến của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam. Đến nay Tổng cục Hải quan nhận được ... ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam và Tổng cục Hải quan đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình (trình kèm bản tổng hợp).

4. Ngày ...., Tổng cục Hải quan đã có văn bản số ...lấy ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính. Ngày ..., Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính có ý kiến thẩm định (trình kèm bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế Bộ).

## **III. Các nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư:**

1. Dự thảo Thông tư hướng dẫn các chỉ tiêu thông tin được Chính phủ giao Bộ Tài chính tại Luật Hải quan và dự thảo Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

### **2. Về nội dung cụ thể của dự thảo Thông tư:**

Căn cứ các nội dung quy định tại các Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 dự thảo Nghị định, Tổng cục Hải quan đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định các chỉ tiêu thông tin để thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày... tháng.... năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử các nội dung sau:

#### **2.1. Về kết cấu, dự thảo Thông tư gồm 04 Điều, cụ thể:**

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2: Đối tượng áp dụng
- Điều 3: Phụ lục ban hành kèm Thông tư.
- Điều 4: Điều khoản thi hành

#### **2.2. Về các chỉ tiêu thông tin quy định tại Điều 3 dự thảo Thông tư:**

a) Phụ lục I. Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu nhóm 1.

b) Phụ lục II. Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu nhóm 2 hoặc hàng hóa tái xuất.

c) Phụ lục III. Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa nhập khẩu nhóm 1, nhóm 2.

d) Phụ lục IV. Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa nhập khẩu nhóm 3 hoặc hàng hóa tái nhập.

d) Phụ lục V. Chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung đối với tờ khai hải quan.

e) Phụ lục VI. Chỉ tiêu thông tin khai bổ sung tờ khai hải quan.

g) Phụ lục VII. Chỉ tiêu thông tin đề nghị hủy tờ khai hải quan xuất khẩu/tái xuất, nhập khẩu/tái nhập.

### 3. Về thủ tục hành chính:

Dự thảo Thông tư không phát sinh thủ tục hành chính mà chỉ là quy định các chỉ tiêu thông tin cụ thể để triển khai các thủ tục hành chính đã được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định.

**VI.** Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế tại văn bản số..., ý kiến về thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ tại văn bản số ..... (trình kèm bản tiếp thu, giải trình ý kiến), Tổng cục Hải quan đã hoàn thiện dự thảo Thông tư. Hồ sơ trình gồm:

- Dự thảo Thông tư;

- Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;

- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế Bộ;

- Dự thảo Nghị định;

Tổng cục Hải quan xin báo cáo và trình Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo Thông tư và ký ban hành ngay sau khi Nghị định được ban hành./.

**PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Mai Xuân Thành**

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**  
9/2022

## **THÔNG TƯ**

**Quy định các chỉ tiêu thông tin để thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày ..... tháng ... năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

*Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định các chỉ tiêu thông tin để thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2022 của Chính phủ.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định các chỉ tiêu thông tin để thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử quy định tại Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2022 của Chính phủ.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số ..../2022/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

### **Điều 3. Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục sau:**

1. Phụ lục I: Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu nhóm 1.

2. Phụ lục II: Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu nhóm 2 hoặc hàng hóa tái xuất.

3. Phụ lục III: Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa nhập khẩu nhóm 1, nhóm 2.

4. Phụ lục IV: Chỉ tiêu thông tin khai đối với Tờ khai hàng hóa nhập khẩu nhóm 3 hoặc hàng hóa tái nhập.

5. Phụ lục V: Chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung đối với tờ khai hải quan.

6. Phụ lục VI: Chỉ tiêu thông tin khai bổ sung tờ khai hải quan.

7. Phụ lục VII: Chỉ tiêu thông tin đề nghị hủy tờ khai hải quan xuất khẩu/tái xuất, nhập khẩu/tái nhập.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng .... năm 2023.

2. Trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để tổng hợp, hướng dẫn xử lý./.

##### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban TW mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (10)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Chi**

## Phụ lục

(Kèm theo Thông tư số ...../TT-BTC ngày ...../...../2022)

### Phụ lục I

#### CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI ĐÓI VỚI TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU NHÓM 1

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu. Hệ thống tự động cấp số	Hệ thống tự động cập nhật.
2	Cơ quan hải quan	(1) Mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
3	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
4	Thông tin về người khai hải quan (tên tờ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu.	Hệ thống tự động cập nhật
5	Tổng số đơn hàng	Hệ thống hỗ trợ cập nhật tổng số đơn hàng khai trong tờ khai sau khi khai các thông tin đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật.
6	Tổng số tiền thanh toán	Không phải nhập liệu. Hệ thống tự động tính tổng số tiền thanh toán của các đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật.
7	Tổng số tiền thuế	Không phải nhập liệu. Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế của các đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật.
8	Tổng trọng lượng	Nhập tổng trọng lượng của các đơn hàng (mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE)	
9	Mã phương thức vận chuyển dự kiến	Căn cứ vào phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: “1”: Đường không “2”: Đường biển (container) “3”: Đường biển (hang rời, lòng,...) “4”: Đường bộ (xe tải) “5”: Đường sắt “6”: Đường sông “9”: Khác	
10	Tên phương tiện vận tải dự kiến	Nhập số của phương tiện vận chuyển hàng hóa Ô 1: Nhập hô hiệu (call sign) trong trường hợp vận	

		<p>chuyên băng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập “9999”.</p> <p>Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...)</p> <p>(1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển băng đường biển/sông.</p> <p>(2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hô hiệu đã nhập ở ô 1.</p> <p>(3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hàng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gạch chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>Trường hợp đối với hàng xuất chưa có thông tin về chuyến bay thì nhập như sau: 000000/ngày IDC theo nguyên tắc trên.</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p> <p>(5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.</p> <p>(6) Không phải nhập trong trường hợp tại chi tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.</p>
11	Ngày hàng đi dự kiến	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)
12	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	<p>1. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu đã được Tổng cục Hải quan mã hóa sử dụng bảng mã “Địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.</p> <p>2. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa: sử dụng mã tạm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khai báo, đồng thời phải ghi cụ thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại ô “Phản ghi chú”. Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan - Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a></p>
13	Mã địa điểm xếp hàng	Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (sử dụng các bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> )

14	Địa điểm nhận hàng cuối cùng	<p>Ô 1: Nhập mã địa điểm nhận hàng cuối cùng theo UN LOCODE (tham khảo bảng mã “Cảng nước ngoài” hoặc “Sân bay nước ngoài” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>)</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Trường hợp mã địa điểm nhận hàng cuối cùng không có trong bảng mã UN LOCODE thì nhập “ZZZ”.</li> <li>(2) Trường hợp không xác định được mã địa điểm nhận hàng cuối cùng (tương ứng với mã “UNKNOWN” trong bảng mã) thì không cần nhập.</li> <li><b>(3) Hàng hóa từ nội địa đưa vào kho ngoại quan: nhập “ZZZZZ”.</b></li> </ul> <p>Ô 2: Nhập tên địa điểm nhận hàng cuối cùng (không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hỗ trợ).</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Nếu địa điểm nhận hàng cuối cùng chưa được mã hóa thì bắt buộc phải nhập ô này.</li> <li>(2) Trường hợp vận chuyển đường sắt, nhập tên ga tàu.</li> <li>(3) Trường hợp hàng hóa từ nội địa vào kho ngoại quan: nhập tên kho ngoại quan.</li> </ul>	
15	Phản ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú	

**Thông tin hàng hóa của từng đơn hàng** (Hệ thống cho phép người khai thực hiện khai nhiều đơn hàng trong một tờ khai)

16	Số tờ khai thông tin đơn hàng	Số của tờ khai thông tin đơn hàng (Hệ thống cấp khi thực hiện khai thông tin đơn hàng).	
17	Số định danh cá nhân/mã số thuế	Hệ thống cập nhật thông tin mã số định danh cá nhân/mã số thuế của người bán theo thông tin đã khai tại thông tin đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
18	Số mục hàng	Hệ thống tự động cập nhật số mục hàng trong đơn hàng theo thông tin đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
19	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật số tiền thanh toán của đơn hàng theo thông tin đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
20	Trị giá tính thuế của đơn hàng	Tổng trị giá tính thuế của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế của từng mặt hàng để tính tổng trị giá tính thuế của đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
21	Số tiền thuế xuất khẩu phải nộp theo đơn hàng	Tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ số tiền thuế phải nộp của từng mặt hàng để tính tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật

**Mỗi mặt hàng trong đơn hàng thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin**

22	Số thứ tự mục hàng	Số thứ tự mục hàng trong đơn hàng của sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện	
----	--------------------	---	--

		từ bán hàng	
23	Tên hàng (Mô tả hàng hóa)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
24	Mã nước xuất xứ	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
25	Số lượng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
26	Mã số hàng hóa (HS)	<p>Nhập mã HS của hàng hóa:</p> <p>Ô 1:</p> <p>(1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Bộ Tài chính ban hành.</p> <p>(2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào Ô 2;</p> <p>Ô 2: nhập mã số Chương 98 trong trường hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Bỏ trống trong trường hợp hàng hóa không thuộc Chương 98.</p>	
27	Thuế suất	Hệ thống tự động cập nhật thuế suất theo mã số HS, trong trường hợp thuế suất không chính xác, thực hiện nhập mức thuế suất chính xác.	
28	Đơn giá nguyên tệ	Hệ thống tự động cập nhật đơn giá theo thông tin đơn hàng đã khai.	Hệ thống tự động cập nhật.
29	Tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật tỷ giá.	Hệ thống tự động cập nhật.
30	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật số tiền thanh toán theo thông tin đơn hàng đã khai.	Hệ thống tự động cập nhật.
31	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế	
32	Số tiền thuế phải nộp	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính số tiền thuế phải nộp	
33	Mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	Nhập mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	
34	Số tiền thuế xuất khẩu được giảm	Số tiền thuế xuất khẩu được giảm	

**Phụ lục II**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI ĐỐI VỚI TỜ KHAI**  
**HÀNG HÓA XUẤT KHẨU NHÓM 2 HOẶC HÀNG HÓA TÁI XUẤT**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số	
2	Số tờ khai nhập khẩu ban đầu	Chi nhập ô này trong trường hợp tái xuất đối với hàng đã nhập khẩu	
3	Cơ quan hải quan	(1) Nhập mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
4	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
5	Thông tin về người khai hải quan (tên tờ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	
6	Tổng số tiền thanh toán	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính tổng số tiền thanh toán của đơn hàng	
7	Tổng số tiền thuế	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế của đơn hàng	
8	Tổng trọng lượng	Nhập tổng trọng lượng hàng (mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE)	
9	Mã phương thức vận chuyển dự kiến	Căn cứ vào phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: “1”: Đường không “2”: Đường biển (container) “3”: Đường biển (hàng rời, lồng,...) “4”: Đường bộ (xe tải) “5”: Đường sắt “6”: Đường sông “9”: Khác	
10	Tên phương tiện vận tải dự kiến	Số của phương tiện vận chuyển hàng hóa Ô 1: Nhập hô hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng kí vào hệ thống thì nhập “9999”. Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ	

		<p>vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...)</p> <p>(1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông.</p> <p>(2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng kí trên hệ thống dựa trên mã hiệu đã nhập ở ô 1.</p> <p>(3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hàng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gạch chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>Trường hợp đối với hàng xuất chưa có thông tin về chuyến bay thì nhập như sau: 000000/ngày IDC theo nguyên tắc trên.</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p> <p>(5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.</p> <p>(6) Không phải nhập trong trường hợp tại chi tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.</p>	
11	Ngày hàng đi dự kiến	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)	
12	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	<p>1. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu đã được Tổng cục Hải quan mã hóa: sử dụng bảng mã “Địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.</p> <p>2. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa: sử dụng mã tạm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khai báo, đồng thời phải ghi cụ thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại ô “Phản ghi chú”. Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan - Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a></p>	
13	Mã địa điểm xếp hàng	Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE (sử dụng các bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> )	
14	Địa điểm nhận hàng cuối cùng	Ô 1: Nhập mã địa điểm nhận hàng cuối cùng theo UN LOCODE (tham khảo bảng mã “Cảng nước	

		<p>ngoài” hoặc “Sân bay nước ngoài” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>)</p> <p>Lưu ý:</p> <p>(1) Trường hợp mã địa điểm nhận hàng cuối cùng không có trong bảng mã UN LICODE thì nhập “ZZZ”.</p> <p>(2) Trường hợp không xác định được mã địa điểm nhận hàng cuối cùng (tương ứng với mã “UNKNOWN” trong bảng mã) thì không cần nhập.</p> <p>(3) Hàng hóa từ nội địa đưa vào kho ngoại quan: nhập “ZZZZ”.</p> <p>Ô 2: Nhập tên địa điểm nhận hàng cuối cùng (không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hỗ trợ).</p> <p>Lưu ý:</p> <p>(1) Nếu địa điểm nhận hàng cuối cùng chưa được mã hóa thì bắt buộc phải nhập ô này.</p> <p>(2) Trường hợp vận chuyển đường sắt, nhập tên ga tàu.</p> <p>(3) Trường hợp hàng hóa từ nội địa vào kho ngoại quan: nhập tên kho ngoại quan.</p>	
15	Phản ghi chú	Các nội dung cần ghi chú	

#### Thông tin liên quan đến hàng hóa của đơn hàng (khai tất cả hàng hóa thuộc đơn hàng)

16	Số tờ khai thông tin đơn hàng	Số của tờ khai thông tin đơn hàng (Hệ thống cấp khi thực hiện khai thông tin đơn hàng)	
17	Số định danh cá nhân/mã số thuế	Hệ thống cập nhật thông tin mã số định danh cá nhân/mã số thuế của người bán theo thông tin đã khai tại thông tin đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
18	Số mục hàng	Hệ thống tự động cập nhật tổng số mục hàng trong đơn hàng theo thông tin đơn hàng đã khai	Hệ thống tự động cập nhật.
19	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật số tiền thanh toán của đơn hàng theo thông tin đơn hàng đã khai	Hệ thống tự động cập nhật.
20	Trị giá tính thuế của đơn hàng	Tổng trị giá tính thuế của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế của từng mặt hàng để tính tổng trị giá tính thuế của đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
21	Số tiền thuế xuất khẩu phải nộp theo đơn hàng	Tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ số tiền thuế phải nộp của từng mặt hàng để tính tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật

#### Mỗi mặt hàng trong đơn hàng thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin

22	Số thứ tự mục hàng	Số thứ tự mục hàng trong đơn hàng của sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện	
----	--------------------	---	--

		từ bán hàng	
23	Tên hàng (Mô tả hàng hóa)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
24	Giấy phép xuất khẩu	Ô 1: Nhập mã phân loại giấy phép xuất khẩu trong trường hợp phải giấy phép xuất khẩu hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan (tham khảo thông tin bảng “Mã văn bản pháp quy khác và phân loại giấy phép” trên website hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> ). Ô 2: Nhập số Giấy phép xuất khẩu hoặc số văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành của hàng hóa trong đơn hàng.	Không phải nhập trong trường hợp tái xuất đối với hàng đã nhập khẩu
25	Tên hàng (Mô tả hàng hóa)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật theo đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
26	Mã nước xuất xứ	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật theo đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
27	Số lượng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật theo đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
28	Mã số hàng hóa (mã số HS)	Nhập mã HS của hàng hóa: Ô 1: (1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Bộ Tài chính ban hành. (2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào Ô 2; Ô 2: nhập mã số Chương 98 trong trường hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Bỏ trống trong trường hợp hàng hóa không thuộc Chương 98.	
29	Thuế suất	Hệ thống tự động cập nhật thuế suất theo mã số HS, trong trường hợp thuế suất không chính xác, thực hiện nhập mức thuế suất chính xác.	
30	Đơn giá nguyên tệ	Hệ thống tự động cập nhật theo đơn giá đã khai tại thông tin đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
31	Tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật.

32	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật theo số tiền thanh toán tại thông tin đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
33	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế của hàng hóa	
34	Số tiền thuế phải nộp	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính số tiền thuế theo đơn hàng	
35	Mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	Nhập mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	
36	Số tiền thuế xuất khẩu được giảm	Số tiền thuế xuất khẩu được giảm	

**Phụ lục III**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI ĐỘI VỚI TỜ KHAI**  
**HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NHÓM 1, NHÓM 2**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số	Hệ thống tự động cấp nhật
2	Cơ quan hải quan	(1) Mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
3	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
4	Thông tin về người khai hải quan (tên tổ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	Hệ thống tự động cập nhật
5	Số Bảng kê thông tin vận chuyển	Nhập Bảng kê thông tin vận chuyển, Hệ thống tự động cung cấp các thông tin về doanh nghiệp vận chuyển, mã phương thức vận chuyển, tên phương tiện vận chuyển, Dự kiến thời gian hàng hóa đến cửa khẩu, thông tin về sàn giao dịch thương mại điện tử.	
6	Tổng số đơn hàng	Hệ thống hỗ trợ cập nhật tổng số đơn hàng khai trong tờ khai sau khi khai các thông tin đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật.
7	Tổng số tiền thanh toán	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính tổng số tiền thanh toán của các đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
8	Tổng số tiền thuế	Ô 1: Khai thông tin nhóm hàng hóa, cụ thể: Chỉ tiêu 1: Hàng hóa nhóm 1 Chỉ tiêu 2: Hàng hóa nhóm 2 Ô 2: Tổng số tiền thuế. Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế của các đơn hàng trong trường hợp ô thứ nhất khai chỉ tiêu 2	
9	Tổng trọng lượng	Nhập tổng trọng lượng hàng (mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE)	
10	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo nhập khẩu. (Tham khảo bảng mã “Địa điểm lưu kho hàng chờ	

		thông quan dự kiến, địa điểm trung chuyển cho vận chuyên bảo thuế, địa điểm đích cho vận chuyên bảo thuế” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> )	
11	Mã địa điểm dỡ hàng	<p>Ô 1: Nhập mã địa điểm dỡ hàng:</p> <p>(1) Nhập mã cảng dỡ hàng (đường không, đường biển) theo vận đơn (B/L, AWB,...);</p> <p>(2) Nhập mã ga (đường sắt);</p> <p>(3) Nhập mã cửa khẩu (đường bộ, đường sông);</p> <p>(Tham khảo các bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>)</p> <p>Ô 2: Nhập tên địa điểm dỡ hàng: hệ thống hỗ trợ xuất ra tên địa điểm dỡ hàng dựa trên mã địa điểm. Trường hợp không có mã địa điểm dỡ hàng thì phải nhập tên địa điểm dỡ hàng.</p> <p>Lưu ý: Không phải nhập trong các trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ kho ngoại quan.</p>	
12	Địa điểm xếp hàng	<p>Ô 1: Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (Tham khảo các bảng mã “Địa điểm nước ngoài”, “Sân bay nước ngoài” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>).</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không có mã trong các bảng mã nêu trên: nhập “Mã nước (02 kí tự) + “ZZZ”.</li> <li>- Trừ trường hợp hàng hóa từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa: nhập “ZZZZZ”.</li> </ul> <p>Ô 2: Nhập tên địa điểm xếp hàng lên phương tiện vận tải:</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không bắt buộc phải nhập trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động.</li> <li>- Trường hợp vận chuyển đường sắt, nhập tên ga.</li> <li>- Trường hợp hàng hóa từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa: nhập tên kho ngoại quan.</li> </ul>	
13	Phản ghi chú	Các nội dung cần ghi chú	

**Thông tin hàng hóa của từng đơn hàng trong Bảng kê thông tin vận chuyển (khai các đơn hàng thuộc cùng một Bảng kê thông tin vận chuyển)**

14	Số tờ khai thông tin đơn hàng	Số của tờ khai thông tin đơn hàng (Hệ thống cấp sau khi khai thông tin đơn hàng).	
15	Số vận đơn	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng dựa vào số tờ khai thông tin đơn hàng đã khai.	Hệ thống tự động cập nhật.
16	Số mục hàng	Tổng số mục hàng trong đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
17	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật số tiền thanh toán của đơn hàng từ thông tin đơn hàng đã khai	Hệ thống tự động cập nhật.

18	Trị giá tính thuế của đơn hàng	Tổng trị giá tính thuế của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế của từng mặt hàng để tính tổng trị giá tính thuế của đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
19	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp theo đơn hàng	Tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ số tiền thuế phải nộp của từng mặt hàng để tính tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật
20	Số định danh cá nhân/Mã số thuế của người mua hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số định danh cá nhân của người mua (cá nhân) trong trường hợp người mua có quốc tịch Việt Nam và địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam. Trường hợp người mua (cá nhân) có địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam nhưng không có quốc tịch Việt Nam thì nhập số hộ chiếu.</li> <li>- Mã số thuế đối với tổ chức.</li> </ul>	
21	Thông tin về người mua hàng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
22	Người nhận hàng	Họ và tên người nhận hàng, tổ chức nhận hàng	Hệ thống tự động cập nhật
23	Địa chỉ nhận hàng	Địa chỉ của người nhận hàng, tổ chức nhận hàng	Hệ thống tự động cập nhật

**Mỗi mặt hàng trong đơn hàng khai các chi tiêu thông tin**

24	Số thứ tự mục hàng	Số thứ tự mục hàng trong đơn hàng của sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng	
25	Tên hàng (Mô tả hàng hóa)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
26	Mã xuất xứ	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
27	Số lượng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
28	Mã số hàng hóa (mã số HS)	<p>Nhập mã HS của hàng hóa:</p> <p>Ô 1:</p> <p>(1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Bộ Tài chính ban hành.</p> <p>(2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương</p>	

		98 vào Ô 2; Ô 2: nhập mã số Chương 98 trong trường hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Bỏ trống trong trường hợp hàng hóa không thuộc Chương 98.	
29	Thuế suất	Hệ thống tự động cập nhật thuế suất theo mã số HS, trong trường hợp thuế suất không chính xác, thực hiện nhập mức thuế suất chính xác.	
30	Đơn giá nguyên tệ	Hệ thống tự động cập nhật đơn giá theo thông tin đơn hàng đã khai	Hệ thống tự động cập nhật.
31	Tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật.
32	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật số tiền thanh toán theo thông tin đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật.
33	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế	
34	Số tiền thuế phải nộp	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính số tiền thuế phải nộp của từng mặt hàng	
37	Số tiền thuế phải nộp	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính số tiền thuế theo từng đơn hàng	
38	Mã áp dụng mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	Nhập mã áp dụng mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	
39	Mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	Nhập mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	
40	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động tính số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Hệ thống tự động cập nhật.
41	Mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	Nhập mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	
42	Số tiền thuế nhập khẩu được giảm	Số tiền thuế nhập khẩu được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.
43	Mã áp dụng thuế nhập khẩu bổ sung	Nhập mã áp dụng thuế nhập khẩu bổ sung	
44	Mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế nhập khẩu bổ sung	Nhập mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế nhập khẩu bổ sung	
45	Số tiền thuế nhập khẩu bổ sung được giảm	Hệ thống tự động tính số tiền thuế nhập khẩu bổ sung được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.

46	Mã áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập mã áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt	
47	Mã áp dụng thuế Bảo vệ môi trường	Nhập mã áp dụng thuế Bảo vệ môi trường	
48	Mã giảm thuế/không chịu thuế bảo vệ môi trường	Nhập mã giảm thuế/không chịu thuế bảo vệ môi trường	
48	Số tiền thuế Bảo vệ môi trường được giảm	Hệ thống tự động tính số tiền thuế Bảo vệ môi trường được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.
50	Mã áp dụng thuế Giá trị gia tăng	Nhập mã áp dụng thuế Giá trị gia tăng	
51	Mã giảm thuế/ không chịu thuế Giá trị gia tăng	Nhập mã giảm thuế/ không chịu thuế Giá trị gia tăng	
52	Số tiền thuế Giá trị gia tăng được giảm	Hệ thống tự tính số tiền thuế Giá trị gia tăng được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.

**Phụ lục IV**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI ĐỐI VỚI TỜ KHAI**  
**HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NHÓM 3 HOẶC HÀNG HÓA TÁI NHẬP**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số	
2	Số tờ khai xuất khẩu ban đầu	Chi nhập ô này trong trường hợp tái nhập đối với hàng đã xuất khẩu	
3	Cơ quan hải quan	(1) Nhập mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật.  Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai dựa trên mã địa điểm xếp hàng  (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
4	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai.  (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Đội thủ tục xử lý tờ khai dựa trên mã HS.  (3) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo.	
5	Thông tin về người khai hải quan (tên tổ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	
6	Số Bảng kê thông tin vận chuyển	Nhập Bảng kê thông tin vận chuyển, Hệ thống tự động cung cấp các thông tin về doanh nghiệp vận chuyển, mã phương thức vận chuyển, tên phương tiện vận chuyển, Dự kiến thời gian hàng hóa đến cửa khẩu, thông tin về sàn giao dịch thương mại điện tử.	
7	Tổng số tiền thanh toán	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính tổng số tiền thanh toán của các đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
8	Tổng số tiền thuế	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế của các đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
9	Tổng trọng lượng	Nhập tổng trọng lượng của đơn hàng (mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE)	
10	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông	Nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo nhập khẩu.	

	quan dự kiến	(Tham khảo bảng mã “Địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến, địa điểm trung chuyển cho vận chuyển bảo thuế, địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> )	
11	Mã địa điểm xếp hàng	<p>Ô 1: Nhập mã địa điểm dỡ hàng:</p> <p>(1) Nhập mã cảng dỡ hàng (đường không, đường biển) theo vận đơn (B/L, AWB,...);</p> <p>(2) Nhập mã ga (đường sắt);</p> <p>(3) Nhập mã cửa khẩu (đường bộ, đường sông);</p> <p>(Tham khảo các bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>)</p> <p>Ô 2: Nhập tên địa điểm dỡ hàng: hệ thống hỗ trợ xuất ra tên địa điểm dỡ hàng dựa trên mã địa điểm. Trường hợp không có mã địa điểm dỡ hàng thì phải nhập tên địa điểm dỡ hàng.</p> <p>Lưu ý: Không phải nhập trong các trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ kho ngoại quan.</p>	
12	Địa điểm xếp hàng	<p>Ô 1: Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (Tham khảo các bảng mã “Địa điểm nước ngoài”, “Sân bay nước ngoài” trên website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>).</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không có mã trong các bảng mã nêu trên: nhập “Mã nước (02 kí tự) + “ZZZ”.</li> <li>- Trừ trường hợp hàng hóa từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa: nhập “ZZZZZ”.</li> </ul> <p>Ô 2: Nhập tên địa điểm xếp hàng lên phương tiện vận tải:</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không bắt buộc phải nhập trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động.</li> <li>- Trường hợp vận chuyển đường sắt, nhập tên ga.</li> <li>- Trường hợp hàng hóa từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa: nhập tên kho ngoại quan.</li> </ul>	
13	Phần ghi chú	Các nội dung cần ghi chú	

**Thông tin liên quan đến hàng hóa**

14	Số tờ khai thông tin đơn hàng	Số của tờ khai thông tin đơn hàng (Hệ thống cấp sau khi khai thông tin đơn hàng).	
15	Số vận đơn	Không phải nhập liệu. Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	
16	Số mục hàng	Tổng số mục hàng trong đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.
17	Số tiền thanh toán	Số tiền thanh toán của đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật.

18	Trị giá tính thuế của đơn hàng	Tổng trị giá tính thuế của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế của từng mặt hàng để tính tổng trị giá tính thuế của đơn hàng	Hệ thống tự động cập nhật
19	Chi phí vận tải quốc tế	Tổng chi phí vận tải quốc tế của đơn hàng	
20	Chi phí vận tải quốc tế	Tổng chi phí vận tải quốc tế của đơn hàng	
21	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp theo đơn hàng	Tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng. Không cần nhập, hệ thống căn cứ số tiền thuế phải nộp của từng mặt hàng để tính tổng số tiền thuế phải nộp của đơn hàng.	Hệ thống tự động cập nhật
22	Giấy phép nhập khẩu	Ô 1: Nhập mã phân loại giấy phép nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan (tham khảo thông tin bảng “Mã văn bản pháp quy khác và phân loại giấy phép” trên website hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> ). Ô 2: Nhập số Giấy phép nhập khẩu hoặc số văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành.	Không phải nhập trong trường hợp tái nhập đối với hàng đã xuất khẩu
23	Số định danh cá nhân/Mã số thuế của người mua hàng	- Mã số định danh cá nhân của người mua (cá nhân) trong trường hợp người mua có quốc tịch Việt Nam có địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam. Trường hợp người mua (cá nhân) có địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam nhưng không có quốc tịch Việt Nam thì nhập số hộ chiếu. - Mã số thuế đối với tổ chức.	
24	Thông tin về người mua hàng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	
25	Người nhận hàng	Họ và tên người nhận hàng, tổ chức nhận hàng	
26	Địa chỉ nhận hàng	Địa chỉ của người nhận hàng, tổ chức nhận hàng	

#### Mỗi loại hàng hóa trong đơn hàng khai các chỉ tiêu thông tin

27	Số thứ tự mục hàng	Số thứ tự mục hàng trong đơn hàng của sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng	
28	Tên hàng (Mô tả hàng hóa)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	
29	Mã xuất xứ	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	
30	Số lượng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật từng đơn hàng	
31	Mã số hàng hóa (mã số HS)	Nhập mã HS của hàng hóa: Ô 1: (1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập	

		<p>khẩu ưu đãi đặc biệt do Bộ Tài chính ban hành.</p> <p>(2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào Ô 2;</p> <p>Ô 2: nhập mã số Chương 98 trong trường hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Bỏ trống trong trường hợp hàng hóa không thuộc Chương 98.</p>	
32	Thuế suất	Hệ thống tự động cập nhật thuế suất (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng,...) theo mã số HS, trong trường hợp thuế suất không chính xác, thực hiện nhập mức thuế suất chính xác.	
33	Đơn giá nguyên tệ	Hệ thống tự động cập nhật đơn giá theo thông tin đơn hàng đã khai	Hệ thống tự động cập nhật.
34	Tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	Hệ thống tự động cập nhật.
35	Số tiền thanh toán	Hệ thống tự động cập nhật số tiền thanh toán theo thông tin đơn hàng đã khai	Hệ thống tự động cập nhật.
36	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế	
37	Số tiền thuế phải nộp	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động tính số tiền thuế theo từng đơn hàng	
38	Mã áp dụng mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	Nhập mã áp dụng mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	
39	Mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	Nhập mức thuế nhập khẩu tuyệt đối	
40	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động tính số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Hệ thống tự động cập nhật.
41	Mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	Nhập mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế	
42	Số tiền thuế nhập khẩu được giảm	Số tiền thuế nhập khẩu được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.
43	Mã áp dụng thuế nhập khẩu bổ sung	Nhập mã áp dụng thuế nhập khẩu bổ sung	
44	Mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế nhập khẩu bổ	Nhập mã miễn thuế/giảm thuế/không chịu thuế nhập khẩu bổ sung	

	sung		
45	Số tiền thuế nhập khẩu bù sung được giảm	Hệ thống tự động tính số tiền thuế nhập khẩu bù sung được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.
46	Mã áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập mã áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt	
47	Mã áp dụng thuế Bảo vệ môi trường	Nhập mã áp dụng thuế Bảo vệ môi trường	
48	Mã giảm thuế/không chịu thuế bảo vệ môi trường	Nhập mã giảm thuế/không chịu thuế bảo vệ môi trường	
48	Số tiền thuế Bảo vệ môi trường được giảm	Hệ thống tự động tính số tiền thuế Bảo vệ môi trường được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.
50	Mã áp dụng thuế Giá trị gia tăng	Nhập mã áp dụng thuế Giá trị gia tăng	
51	Mã giảm thuế/ không chịu thuế Giá trị gia tăng	Nhập mã giảm thuế/ không chịu thuế Giá trị gia tăng	
52	Số tiền thuế Giá trị gia tăng được giảm	Hệ thống tự tính số tiền thuế Giá trị gia tăng được giảm	Hệ thống tự động cập nhật.

**Phụ lục V**

**CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHÔNG ĐƯỢC KHAI BỎ SUNG  
ĐỐI VỚI TỜ KHAI HẢI QUAN**

**I. Tờ khai hải quan xuất khẩu**

STT	Loại tờ khai	Tờ khai xuất khẩu nhóm 1	Tờ khai xuất khẩu nhóm 2 hoặc hàng hóa tái xuất
01		Cơ quan Hải quan	Cơ quan Hải quan
02		Mã địa điểm xếp hàng	Mã địa điểm xếp hàng
03			Giấy phép xuất khẩu

**II. Tờ khai hải quan nhập khẩu**

STT	Loại tờ khai	Tờ khai nhập khẩu nhóm 1, nhóm 2	Tờ khai nhập khẩu nhóm 3 hoặc hàng hóa tái nhập
01		Cơ quan Hải quan	Cơ quan Hải quan
02		Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến
03			Giấy phép nhập khẩu

**Phụ lục VI**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI BỎ SUNG TỜ KHAI HẢI QUAN**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
<b><i>Thông tin chung</i></b>			
1	Số tờ khai bỏ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai bỏ sung	Hệ thống tự động cập nhật
2	Ngày đăng ký tờ khai bỏ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày đăng ký tờ khai bỏ sung	Hệ thống tự động cập nhật
3	Cơ quan hải quan	Mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai ban đầu. Trường hợp không nhập mã thì Hệ thống sử dụng mã theo số của tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu ban đầu.	
4	Số tờ khai ban đầu	Số tờ khai xuất khẩu/tái xuất hoặc nhập khẩu/tái nhập ban đầu.	
5	Ngày khai tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu ban đầu	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu/tái xuất, nhập khẩu/tái nhập ban đầu.	Hệ thống tự động cập nhật
6	Ngày cấp phép tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu ban đầu	Nhập ngày thông quan của tờ khai xuất khẩu/tái xuất hoặc nhập khẩu/tái nhập ban đầu (nếu có)	
7	Thông tin về người khai hải quan (tên tổ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	Hệ thống tự động cập nhật
<b><i>B Thông tin khai báo chi tiết khai bỏ sung</i></b>			
8	Chi tiêu thông tin khai bỏ sung	Tên chi tiêu thông tin cần khai bỏ sung theo đúng tên chi tiêu thông tin trên tờ khai hải quan xuất khẩu/tái xuất, nhập khẩu/tái nhập	
9	Nội dung trước khi khai bỏ sung	Nội dung trước khi khai bỏ sung (Hệ thống hỗ trợ lấy thông tin của tờ khai ban đầu)	
10	Nội dung sau khi khai bỏ sung	Nội dung khai bỏ sung	
11	Lý do	Lý do khai bỏ sung	
12	Chứng từ chứng minh	Liệt kê các chứng từ chứng minh việc khai bỏ sung, đính kèm chứng từ.	

### Phụ lục VII

## **CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ HỦY TỜ KHAI HẢI QUAN XUẤT KHẨU/TÁI XUẤT, NHẬP KHẨU/TÁI NHẬP**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu thông tin</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Số tờ khai đề nghị hủy	Nhập số tờ khai đề nghị hủy	
2	Ngày đề nghị hủy tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày đề nghị hủy tờ khai	Hệ thống tự động cập nhật
3	Ngày khai tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu đề nghị hủy	Ngày khai tờ khai xuất khẩu/tái xuất hoặc tờ khai nhập khẩu/tái nhập của tờ khai đề nghị hủy	
4	Ngày cấp phép tờ khai xuất, nhập khẩu đề nghị hủy	Ngày thông quan của tờ khai xuất khẩu/tái xuất hoặc nhập khẩu/tái nhập đề nghị hủy (nếu có)	
5	Cơ quan hải quan	Mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai đề nghị hủy (Hệ thống hỗ trợ lấy mã theo số tờ khai đề nghị hủy)	
6	Mã người khai hải quan	Mã số thuế của người khai hải quan.	
7	Thông tin về người khai hải quan (tên tổ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	Hệ thống tự động cập nhật
8	Mã lý do hủy	Mã lý do hủy 1. Hủy do quá thời hạn hiệu lực của tờ khai 2. Hủy do khai trùng thông tin tờ khai 3. Hủy do hàng hóa không đáp ứng quy định về nhập khẩu/xuất khẩu 4. Khai sai các chỉ tiêu thông tin không được khai sửa đổi, bổ sung 5. Lý do khác	
9	Lý do hủy	Chi tiết lý do hủy tờ khai	
10	Chứng từ chứng minh	Liệt kê các chứng từ chứng minh việc hủy tờ khai và gửi kèm chứng từ (nếu có).	

Số: /2022/NĐ-CP      Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**Dự thảo số 5****NGHỊ ĐỊNH****Quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu  
giao dịch qua thương mại điện tử**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế Giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Thuế bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về:

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử trên các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.
2. Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử trên các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.
3. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.
2. Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam.
3. Đại lý làm thủ tục hải quan.
4. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.
5. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan.
6. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh.
7. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
8. Các tổ chức, cá nhân khác có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.
9. Cơ quan hải quan, công chức hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử* là doanh nghiệp được các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng, tổ chức, cá

nhân mua hàng thỏa thuận để vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

2. *Giao dịch qua thương mại điện tử* là hoạt động mua bán hàng hóa được tiến hành trực tuyến qua website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.

3. *Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử* là hàng hóa nhập khẩu được người mua hàng ở Việt Nam đặt hàng trực tuyến qua website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.

4. *Hàng hóa xuất khẩu giao dịch qua thương mại điện tử* là hàng hóa xuất khẩu được người mua hàng ở nước ngoài đặt hàng trực tuyến qua website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.

5. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử* (sau đây gọi tắt là *Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử*) là Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử cho phép thực hiện thủ tục hải quan, tiếp nhận, phản hồi, chia sẻ, xử lý và lưu giữ thông tin liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử.

#### **Điều 4. Người khai hải quan**

Người khai hải quan gồm:

1. Chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.

Trường hợp chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh tại Việt Nam.

2. Đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan; doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh.

4. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, người được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

#### **Điều 5. Quản lý rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử**

Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Hải quan và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện

pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

#### **Điều 6. Bảo mật thông tin**

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này có trách nhiệm bảo mật thông tin, quyền riêng tư, bí mật thương mại và thực hiện cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Chương II**

## **HỆ THỐNG XỬ LÝ DỮ LIỆU HẢI QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 7. Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử**

1. Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử là thành phần không tách rời của Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan do Tổng cục Hải quan quản lý và vận hành.

2. Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử có các chức năng sau:

a) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, tiếp nhận, xử lý, phản hồi, lưu trữ thông tin đơn hàng và các thông tin có liên quan, xác thực chữ ký số của người gửi thông tin;

b) Kết nối, trao đổi thông tin hoạt động thương mại điện tử với hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử của chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng, đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm tập kết hàng chuyên phát nhanh, bưu chính, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho người khai hải quan;

c) Kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về đăng ký kinh doanh, về thuế, Cổng Dịch vụ công của Bộ Tài chính, Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Bộ Thông tin và Truyền thông, các hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước và các hệ thống của các bên liên quan khác để trao đổi, cập nhật, xử lý, cung cấp thông tin phục vụ thực hiện thủ tục hải quan, quản lý thuế và quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử;

d) Lưu trữ trạng thái của các giao dịch điện tử, thông tin, dữ liệu điện tử được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử. Thời hạn lưu trữ trạng thái các giao dịch điện tử và thông tin, dữ liệu điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

đ) Cung cấp thông tin bao gồm: thông tin giao dịch thương mại điện tử, thống kê số liệu theo yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người khai phù hợp chức năng, thẩm quyền của cơ quan, quyền, trách nhiệm của người khai;

c) Cập nhật các thông tin về các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng gồm: thông tin bán hàng, chính sách bán hàng...và các cơ chế, chính sách quản lý về thương mại điện tử (chính sách thuế, mã HS, danh mục hàng hóa phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành);

g) Theo dõi, thống kê việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế, miễn điều kiện, giấy phép, kiểm tra chuyên ngành giao dịch qua thương mại điện tử của các tổ chức, cá nhân.

3. Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phải đáp ứng các quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin và luật giao dịch điện tử.

4. Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử.

Trường hợp hệ thống khai hải quan của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan trong thời gian hệ thống không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan và cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đăng ký tham gia kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để được cấp tài khoản truy cập và các thông tin kết nối theo quy định tại Nghị định này. Khi có thay đổi, bổ sung hoặc hủy hiệu lực thông tin đăng ký, tổ chức, cá nhân phải kịp thời cập nhật thông tin thay đổi trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Trang bị đầy đủ về hạ tầng kỹ thuật an toàn trong hoạt động giao dịch điện tử đảm bảo việc khai báo, truyền, nhận, lưu trữ thông tin khi truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan và cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thông qua việc:

a) Sử dụng trực tiếp các chức năng được cung cấp trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử; hoặc

b) Kết nối, trao đổi thông tin theo tiêu chuẩn kỹ thuật và định dạng dữ liệu do Tổng cục Hải quan công bố để được kết nối chính thức.

#### **Điều 9. Thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử**

1. Người khai hải quan thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử hoặc kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để gửi thông tin, nhận phản hồi trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và tra cứu thông tin phục vụ khai hải quan.

2. Cơ quan hải quan xử lý thủ tục hải quan, thu thập thông tin đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử truy cập vào Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để khai thác thông tin phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hải quan; tổng hợp, phân tích, báo cáo thống kê phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật hải quan và Nghị định này.

3. Chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử hoặc kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để cung cấp, trao đổi thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

4. Doanh nghiệp vận chuyển, doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, chủ hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử gửi kho ngoại quan, đại lý làm thủ tục hải quan, chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử hoặc kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để tra cứu và cung cấp thông tin phục vụ cho khai hải quan theo quy định của pháp luật hải quan và Nghị định này.

5. Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến cấp phép, quản lý chuyên ngành, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được phép truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để khai thác thông tin phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép, quản lý chuyên ngành, quản lý thuế theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Nghị định này.

**Điều 10. Quản lý tài khoản người sử dụng của Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử**

1. Đăng ký tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử:

a) Việc đăng ký tài khoản truy cập và sử dụng được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Người sử dụng đăng ký thông tin tài khoản truy cập và sử dụng theo các chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai đăng ký cấp tài khoản tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin tài khoản truy cập và sử dụng của người sử dụng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin. Trường hợp thông tin đầy đủ, hợp lệ thì chấp nhận và thông báo cho người sử dụng qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc không chấp nhận và thông báo qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, nêu rõ lý do cho người sử dụng.

2. Khóa tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử

a) Trong trường hợp cần khóa tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, người sử dụng thực hiện một trong các hình thức sau:

a.1) Truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và sử dụng chức năng có sẵn trên hệ thống để khóa tài khoản.

a.2) Thực hiện khai chi tiêu thông tin tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này cho Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thông qua hình thức điện thoại hoặc thư điện tử để đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kịp thời khóa tài khoản. Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thực hiện khóa tài khoản và thông báo cho người sử dụng bằng một trong các hình thức: email, điện thoại trong thời gian 05 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

b) Trong trường hợp khẩn cấp ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu, Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thực hiện khóa tài khoản và thông báo cho người sử dụng bằng một trong các hình thức: văn bản, email, điện thoại trong thời gian 05 giờ làm việc kể từ khi thực hiện khóa tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

3. Kích hoạt tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử đã khóa

a) Để tiếp tục sử dụng tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử đã khóa, người sử dụng thực hiện khai chi tiêu

thông tin tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

b) Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thực hiện kích hoạt lại tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử đã khóa hoặc từ chối kích hoạt lại tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trong khoảng thời gian chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông tin đề nghị của người sử dụng trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và thông báo cho người sử dụng bằng một trong các hình thức: văn bản, email, điện thoại.

4. Thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử

a) Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thực hiện thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trong các trường hợp sau:

a.1) Người sử dụng đề nghị thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

a.2) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có thông báo về thời điểm hiệu lực của việc giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động của tổ chức, cá nhân có tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

a.3) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông báo về việc thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử của người sử dụng là cán bộ, công chức, viên chức được các Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

a.4) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật: cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại tiết a.1, a.2, a.3, a.4 điểm a khoản này khi đề nghị hoặc thông báo thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng hệ thống thực hiện khai chi tiêu thông tin tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

c) Chậm nhất trong 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi, Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thực hiện thu hồi tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và gửi kết quả thực hiện tới Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị.

5. Quản lý tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử

Người sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử có trách nhiệm đảm bảo an toàn, bí mật thông tin liên quan đến tài khoản truy cập

và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử của mình đã được cấp để truy cập Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử; kịp thời thông báo cho Đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trong trường hợp bị mất hoặc lộ thông tin tài khoản truy cập và sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu.

### **Chương III**

#### **THỦ TỤC CUNG CẤP THÔNG TIN GIAO DỊCH HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU QUA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

##### **Điều 11. Cung cấp thông tin đơn hàng**

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin đơn hàng gồm:

- a) Chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng;
- b) Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh, chủ hàng hóa được chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng ủy quyền;
- c) Đại lý làm thủ tục hải quan.

##### **2. Thời điểm cung cấp thông tin đơn hàng**

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu: Tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng thực hiện gửi thông tin đơn hàng theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi khai hải quan;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng thực hiện gửi thông tin đơn hàng theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi phương tiện vận tải nhập cảnh.

c) Đối với hàng hóa đang lưu giữ tại các kho ngoại quan trên lãnh thổ Việt Nam, tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng thực hiện gửi thông tin về đơn hàng theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi đăng ký tờ khai hải quan.

##### **3. Thủ tục cung cấp thông tin đơn hàng**

a) Tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng khai thông tin đơn hàng theo các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Trong thời hạn 30 phút kể từ khi tiếp nhận thông tin đơn hàng, đơn vị quản lý Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra và xử lý như sau:

Trường hợp khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử

lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số tiếp nhận thông tin đơn hàng và phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng;

Trường hợp khai không đầy đủ các chỉ tiêu thông tin hoặc các chỉ tiêu thông tin không phù hợp theo quy định, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng để thực hiện khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin còn thiếu hoặc chưa phù hợp;

Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử từ chối cấp số tiếp nhận thông tin đơn hàng trong trường hợp thông tin đơn hàng đã được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và được cấp số tiếp nhận.

#### 4. Thủ tục khai bổ sung thông tin đơn hàng

a) Sau khi thông tin đơn hàng đã được cấp số tiếp nhận, tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng được khai bổ sung thông tin đơn hàng nếu phát hiện khai sai, thiếu thông tin đơn hàng hoặc đơn hàng có sự thay đổi;

b) Việc khai bổ sung thông tin đơn hàng chỉ được thực hiện trước khi đăng ký tờ khai hải quan;

c) Tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng khai bổ sung thông tin đơn hàng theo các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

d) Trong thời hạn 30 phút kể từ khi tiếp nhận thông tin đơn hàng bổ sung, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra và xử lý như sau:

Trường hợp khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động chấp nhận thông tin đơn hàng bổ sung và phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng;

Trường hợp khai không đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng để thực hiện khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin theo quy định.

5. Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động hủy thông tin đơn hàng sau 03 tháng kể từ ngày gửi thông tin đơn hàng nhưng không có tờ khai hải quan được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

### **Điều 12. Cung cấp thông tin vận chuyển**

#### 1. Tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển

Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam.

#### 2. Thời điểm cung cấp thông tin vận chuyển

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

Tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển thực hiện gửi thông tin dự kiến vận chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu:

Tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển thực hiện gửi thông tin vận chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi hàng hóa nhập khẩu được xếp lên phương tiện vận tải xuất cảnh tại nước xuất khẩu;

Đối với hàng hóa đang lưu giữ tại các kho ngoại quan trên lãnh thổ Việt Nam không phải gửi thông tin vận chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

### 3. Thủ tục cung cấp thông tin vận chuyển

a) Tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển khai thông tin vận chuyển của nhiều đơn hàng được vận chuyển trên cùng một phương tiện vận tải theo các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Trong thời hạn 30 phút kể từ khi tiếp nhận thông tin vận chuyển, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra và xử lý như sau:

Trường hợp khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số tiếp nhận thông tin vận chuyển và phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển;

Trường hợp khai không đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển để thực hiện khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin.

### 4. Thủ tục khai bổ sung thông tin vận chuyển

a) Sau thông tin vận chuyển đã được cấp số tiếp nhận, tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển được khai bổ sung thông tin vận chuyển nếu phát hiện có khai sai, thiếu thông tin thông tin vận chuyển hoặc thông tin vận chuyển có sự thay đổi;

b) Việc khai bổ sung thông tin vận chuyển chỉ được thực hiện trước khi đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu;

c) Tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển khai bổ sung thông tin vận chuyển theo các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

d) Trong thời hạn 30 phút kể từ khi tiếp nhận thông tin vận chuyển bổ sung, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra và xử lý như sau:

Trường hợp khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử

lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động chấp nhận thông tin vận chuyển bổ sung và phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển;

Trường hợp khai không đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi cho tổ chức cung cấp thông tin vận chuyển để thực hiện khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin theo quy định.

5. Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động hủy thông tin vận chuyển sau 03 tháng kể từ ngày gửi thông tin vận chuyển nhưng không có tờ khai hải quan được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

#### **Chương IV**

#### **CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GIAO DỊCH QUA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**Điều 13. Quy định về miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

1. Các trường hợp miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn giấy phép, miễn điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương, miễn kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng mặt hàng trong đơn hàng từ 2.000.000 đồng Việt Nam trở xuống hoặc trên 2.000.000 đồng Việt Nam đối với hàng hóa nhập khẩu đơn chiếc (trừ hàng hóa phải kiểm dịch, hàng hóa thuộc danh mục quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hàng hóa thuộc danh mục phê duyệt được phép nhập khẩu) được miễn giấy phép, điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành nhưng tổng trị giá hàng hóa được miễn không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm đối với mỗi tổ chức, cá nhân.

2. Các trường hợp miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hoặc có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành.

3. Trường hợp hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người khai hải quan thực hiện các thủ tục liên quan đến quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

1. Hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được miễn thuế

nhập khẩu bao gồm:

a) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng từ 2.000.000 đồng Việt Nam trở xuống;

b) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 2.000.000 đồng Việt Nam nhưng có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200.000 đồng Việt Nam;

Mỗi tổ chức, cá nhân mua hàng chỉ được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b khoản này không quá 96.000.000 đồng Việt Nam/năm.

2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 2.000.000 đồng Việt Nam và có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp trên 200.000 đồng Việt Nam thì phải nộp thuế nhập khẩu đối với toàn bộ trị giá hàng hóa nhập khẩu.

3. Ngoài các quy định về miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

### **Điều 15. Trị giá hải quan**

1. Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu giao dịch qua thương mại điện tử là giá bán ghi trên đơn hàng hoặc chứng từ thanh toán hoặc chứng từ, tài liệu khác có giá trị tương đương, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và bảo hiểm quốc tế.

2. Trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử là giá mua ghi trên đơn hàng hoặc chứng từ thanh toán hoặc chứng từ, tài liệu khác có giá trị tương đương, bao gồm chi phí vận tải quốc tế và bảo hiểm quốc tế (nếu có).

### **Điều 16. Quy định về thu nộp thuế, phí, lệ phí**

1. Người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế, phí, lệ phí và cơ quan hải quan quản lý thu thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật thuế, pháp luật phí và lệ phí.

2. Trường hợp người khai hải quan thực hiện nộp thuế thay cho chủ hàng thì người khai hải quan chịu trách nhiệm nộp tiền thuế ấn định theo quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan.

3. Trường hợp người khai hải quan thực hiện nộp thuế thay cho nhiều chủ hàng thì được nộp trước một khoản tiền tương đương số tiền thuế, phí, lệ phí dự kiến phát sinh trong một thời kỳ nhất định vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai tại Kho bạc Nhà nước.

Cuối ngày hoặc định kỳ hàng tuần Chi cục Hải quan lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước và Bán kê tiền thuế phí phát sinh nộp ngân sách nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục IX Ban hành kèm theo Nghị định ngày (01 bản chính)

chuyển Kho bạc Nhà nước để cập nhật thu ngân sách nhà nước và trừ vào số tiền chủ hàng đã nộp trước.

## Chương V

### THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GIAO DỊCH QUA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

#### Mục 1

##### QUY ĐỊNH CHUNG

###### **Điều 17. Địa điểm làm thủ tục hải quan**

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu: Người khai hải quan được lựa chọn Chi cục Hải quan để thực hiện thủ tục xuất khẩu.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

Người khai hải quan được lựa chọn một trong các địa điểm sau để thực hiện thủ tục nhập khẩu:

a) Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập hàng;

b) Chi cục Hải quan quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh;

c) Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan trong trường hợp hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử nhập khẩu từ kho ngoại quan;

3. Chi cục Hải quan thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử phải đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật để thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Nghị định này.

###### **Điều 18. Nguyên tắc kiểm tra**

1. Việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro do Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thông báo. Căn cứ thông báo kết quả phân luồng tờ khai hải quan của Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, quyết định của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, thông tin khai hải quan, thông tin chỉ dẫn rủi ro trên Hệ thống, công chức hải quan thực hiện kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa và cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

2. Trong quá trình kiểm tra hải quan, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan, công chức hải quan có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra phù hợp.

3. Về kiểm tra tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế, trị giá hải quan; kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa; kiểm tra giấy phép, kết quả kiểm tra chuyên ngành: thực hiện theo quy định của Luật Hải quan, Luật quản lý ngoại thương, các Luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn liên quan. Hàng hóa đưa về bảo quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của pháp luật về hải quan, yêu cầu quản lý tại từng khu vực kho, bến, cảng, cửa khẩu và điều kiện thực tế về trang bị máy soi hoặc các phương tiện kỹ thuật khác để tổ chức triển khai việc kiểm tra hàng hóa nhập khẩu trong quá trình xếp, dỡ từ phương tiện vận tải nhập cảnh xuống kho, bến, cảng, khu vực cửa khẩu nhập và hàng hóa xuất khẩu đã thông quan được tập kết tại các địa điểm trong khu vực cửa khẩu xuất phù hợp với quy định của pháp luật, cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị và điều kiện thực tế tại từng khu vực kho, bến, cảng, cửa khẩu.

## Mục 2

### THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU

#### **Điều 19. Chia nhóm hàng hóa xuất khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

Người khai hải quan căn cứ thông tin đơn hàng để thực hiện chia nhóm hàng hóa xuất khẩu như sau:

1. Hàng hóa không thuộc danh mục hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương; kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là nhóm 1).

2. Hàng hóa thuộc danh mục hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là nhóm 2).

#### **Điều 20. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhóm 1**

1. Hồ sơ hải quan: Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành.

2. Người khai hải quan thực hiện khai một hoặc nhiều đơn hàng trên tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử chậm nhất 02 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh.

3. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin tờ khai, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra thông tin trên tờ khai hải quan với thông tin đơn hàng và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu khác của ngành Hải quan, thực hiện xử lý như sau:

a) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số đăng ký tờ khai và phản hồi cho người khai hải quan trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi thông tin cho người khai hải quan để khai bổ sung thông tin trong các trường hợp sau:

b.1) Thông tin khai trên tờ khai hải quan không đầy đủ;

b.2) Thông tin trên tờ khai hải quan không phù hợp với thông tin đơn hàng;

c) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử từ chối đăng ký tờ khai hải quan trong trường hợp:

c.1) Thông tin về người bán hàng là cá nhân không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu về dân cư (đối với trường hợp người bán hàng có quốc tịch Việt Nam) hoặc thông tin người bán hàng không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp;

c.2) Hàng hóa không thuộc nhóm 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

4. Việc kiểm tra hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

5. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 21 Nghị định này. Hàng hóa được thông quan theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan.

#### **Điều 21. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhóm 2**

##### **1. Hồ sơ hải quan**

a) Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành;

b) Giấy phép xuất khẩu hoặc văn bản cho phép xuất khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về quản lý ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục mặt hàng quản lý theo giấy phép (sau đây gọi chung là giấy phép xuất khẩu);

c) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành);

d) Chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

Việc nộp, xuất trình các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể nộp bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan nộp bản chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công trực tuyến có kết nối với cơ quan hải quan thì người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

2. Người khai hải quan thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo từng đơn hàng trên tờ khai hải quan và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử chậm nhất 02 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh.

Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra thông tin tờ khai hải quan với thông tin đơn hàng, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu khác của ngành Hải quan và xử lý như sau:

a) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số đăng ký tờ khai hải quan và phản hồi kết quả phân luồng tờ khai hải quan cho người khai hải quan trong trường hợp kết quả kiểm tra các chỉ tiêu thông tin phù hợp;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi thông tin cho người khai để thực hiện khai bổ sung thông tin trong các trường hợp sau:

b.1) Thông tin trên tờ khai hải quan không đầy đủ;

b.2) Thông tin trên tờ khai hải quan không phù hợp với thông tin đơn hàng;

c) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử từ chối đăng ký tờ khai hải quan trong trường hợp:

c.1) Thông tin về người bán hàng là cá nhân không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu về dân cư (đối với trường hợp người bán hàng có quốc tịch Việt Nam) hoặc thông tin người bán hàng không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp;

c.2) Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng phải có giấy phép xuất khẩu mà không có tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

4. Trường hợp kiểm tra hồ sơ hải quan: Người khai hải quan xuất trình hồ sơ cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan theo quy định điểm a khoản 2 Điều 23 và Điều 32 Luật Hải quan.

5. Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hóa:

a) Người khai hải quan xuất trình hàng hóa và phối hợp với cơ quan hải quan trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hóa;

b) Cơ quan hải quan thực hiện:

b.1) Kiểm tra hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa qua máy soi, trừ trường hợp máy soi gấp sự cố hoặc hàng hóa không phù hợp với việc kiểm tra qua máy soi hoặc hàng hóa

bắt buộc phải kiểm tra trực tiếp bởi công chức hải quan theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;

b.3) Căn cứ hình ảnh kiểm tra qua máy soi, thông tin trên tờ khai hải quan và các thông tin khác có được tại thời điểm kiểm tra để phân tích, đánh giá và kết luận về hình ảnh kiểm tra qua máy soi. Toàn bộ dữ liệu hình ảnh kiểm tra được lưu trữ trong Hệ thống máy soi theo quy định;

b.4) Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi có dấu hiệu vi phạm, thực hiện kiểm tra trực tiếp theo quy định của pháp luật hải quan;

b.5) Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan.

#### 6. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Trường hợp cơ quan hải quan kiểm tra xác định người khai hải quan khai sai so với thực tế về tên hàng, mã số, xuất xứ, số lượng, khối lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai bổ sung (trừ trường hợp không được khai bổ sung) và xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì tiến hành điều tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền;

b) Trường hợp người khai hải quan khai sai so với thực tế hàng hóa quy định tại điểm a khoản này không thực hiện khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện án định thuế và xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, số lượng, khối lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

7. Thông quan hàng hóa: Cơ quan hải quan thực hiện thông quan hàng hóa theo Điều 37 Luật Hải quan.

### **Điều 22. Khai bổ sung thông tin tờ khai hải quan**

#### 1. Các trường hợp khai bổ sung

Trừ các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan không được khai bổ sung theo quy định của Bộ Tài chính, người khai hải quan được khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan trong các trường hợp sau:

a) Khai bổ sung sau khi đăng ký tờ khai hải quan đến trước thời điểm thông quan:

a.1) Người khai hải quan được khai bổ sung thông tin trước thời điểm Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thông báo kết quả phân luồng tờ khai hải quan cho người khai hải quan;

a.2) Người khai hải quan phát hiện sai sót trong việc khai hải quan sau thời điểm Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử thông báo kết quả phân luồng nhưng trước khi thông quan thì được khai bổ sung thông tin và bị xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

a.3) Người khai hải quan thực hiện khai bô sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan hải quan khi cơ quan hải quan phát hiện khai sai, thiếu, không phù hợp giữa thực tế hàng hóa, hồ sơ hải quan với thông tin khai báo trong quá trình kiểm tra thì bị xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật;

b) Khai bô sung sau khi hàng hóa đã được thông quan

Trừ nội dung khai bô sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bô sung sau thông quan trong các trường hợp sau:

b.1) Người khai hải quan xác định có sai sót trong việc khai hải quan thì được khai bô sung thông tin trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra;

b.2) Quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan hoặc sau khi cơ quan hải quan có quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra, người khai hải quan mới phát hiện sai sót trong việc khai hải quan thì thực hiện khai bô sung và bị xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ khai bô sung

- a) Tờ khai bô sung theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành;
- b) Các chứng từ liên quan đến việc khai bô sung (nếu có): 01 bản chụp.

3. Thủ tục khai bô sung

a) Người khai hải quan nộp hồ sơ khai bô sung thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ khai bô sung, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra thông tin bô sung với thông tin tờ khai hải quan ban đầu, cơ sở dữ liệu của Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số đăng ký tờ khai bô sung và phản hồi cho người khai hải quan;

b.1) Trường hợp đã khai đầy đủ các chỉ tiêu thông tin và nộp chứng từ liên quan đến việc khai bô sung (nếu có), Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số đăng ký tờ khai bô sung và phản hồi cho người khai hải quan;

b.2) Trường hợp khai không đầy đủ các chỉ tiêu thông tin, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi cho người khai hải quan về việc không cấp số đăng ký tờ khai bô sung và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ khi cấp số đăng ký tờ khai bô sung, cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ khai bô sung và xử lý như sau:

c.1) Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp, phản hồi cho người khai hải quan về việc chấp nhận khai bô sung hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa;

c.2) Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp, phản hồi cho người khai hải quan và nêu rõ lý do;

d) Hàng hóa được thông quan theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan.

### **Điều 23. Thủ tục hủy tờ khai hải quan**

#### 1. Các trường hợp hủy tờ khai hải quan

a) Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu, hàng hóa được miễn kiểm tra thực tế nhưng chưa đưa hàng hóa vào khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất;

b) Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu, hàng hóa phải kiểm tra thực tế nhưng người khai hải quan chưa xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra;

c) Tờ khai hải quan đã đăng ký, hàng hóa không đáp ứng các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành;

d) Tờ khai hải quan xuất khẩu đã thông quan nhưng thực tế không xuất khẩu hàng hóa;

e) Tờ khai hải quan đã được đăng ký nhưng trùng thông tin với tờ khai hải quan khác;

g) Tờ khai hải quan đã đăng ký nhưng người khai hải quan sai các chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan hoặc tờ khai hải quan xuất khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng và hàng hóa thực tế đã xuất khẩu.

#### 2. Thủ tục hủy tờ khai hải quan

##### a) Trách nhiệm người khai hải quan

a.1) Đối với các trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều này, người khai hải quan khai thông tin đề nghị hủy tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành và gửi kèm chứng từ chứng minh thực tế hàng hóa không xuất khẩu (đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này), người mua hoặc người bán hủy đơn hàng (đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này) đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

a.2) Trường hợp hủy tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đã đưa vào khu vực giám sát hải quan nhưng thực tế không xuất khẩu, người khai hải quan phải cam kết trong văn bản đề nghị hủy tờ khai hải quan về việc chưa thực hiện việc hoàn thuế hoặc kê khai khẩu trừ thuế cho hàng hóa thuộc tờ khai hải quan đề nghị hủy với cơ quan thuế nội địa hoặc với cơ quan hải quan và chịu trách nhiệm về nội dung đã khai báo. Trường hợp cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế kiểm tra phát hiện người khai hải quan đã hoàn thuế hoặc kê khai khẩu trừ thuế thì xử lý theo quy định của pháp luật;

##### b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan

b.1) Trường hợp hủy tờ khai hải quan quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm c khoản 1 Điều này: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn tờ khai, hoặc phát hiện tờ khai thuộc trường hợp hủy quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan thực hiện hủy tờ khai hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và thông báo thông tin hủy tờ khai hải quan cho người khai hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b.2) Trường hợp hủy tờ khai hải quan quy định tại điểm d, điểm d, điểm g khoản 1 Điều này:

Trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận đề nghị hủy tờ khai hải quan của người khai hải quan, công chức hải quan kiểm tra lý do, điều kiện và thông tin tờ khai hải quan đề nghị hủy trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Hải quan phê duyệt, thực hiện việc hủy tờ khai hải quan và phản hồi kết quả cho người khai hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, xử lý tiền thuế đã nộp (nếu có) theo quy định.

#### **Điều 24. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu**

1. Hàng hóa tái nhập do không chuyển được đến người mua hàng, người nhận hàng ở nước ngoài.

2. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành;

b) Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của đơn vị vận chuyển thông báo không có người nhận hàng: 01 bản chụp.

3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này (trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành).

4. Chính sách thuế đối với hàng hóa tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

### **Mục 3**

#### **THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

##### **Điều 25. Chia nhóm hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

Người khai hải quan căn cứ thông tin đơn hàng để thực hiện chia nhóm hàng hóa nhập khẩu như sau:

1. Hàng hóa không phải nộp thuế, không chịu sự quản lý chuyên ngành (sau đây gọi tắt là nhóm 1) gồm các đơn hàng có hàng hóa thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

a) Hàng hóa không thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật, hàng hóa được miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

b) Hàng hóa nhập khẩu của đơn hàng có trị giá hải quan không vượt định mức miễn thuế quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Hàng hóa có thuế và không chịu sự quản lý chuyên ngành (sau đây gọi tắt là nhóm 2) gồm các đơn hàng có hàng hóa thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

a) Hàng hóa không thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép, điều kiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật, hàng hóa được miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

b) Hàng hóa nhập khẩu của đơn hàng có trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

3. Hàng hóa gồm các đơn hàng không thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này (sau đây gọi tắt là nhóm 3).

#### **Điều 26. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm 1**

1. Hồ sơ hải quan: Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành.

2. Người khai hải quan thực hiện khai một hoặc nhiều đơn hàng thuộc một thông tin vận chuyển trên tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi hàng hóa đến cửa khẩu nhập hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu.

3. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin tờ khai, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra thông tin trên tờ khai hải quan với thông tin đơn hàng, thông tin vận chuyển và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu khác của ngành hải quan và xử lý như sau:

a) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số tờ khai và phản hồi cho người khai hải quan trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi thông tin cho người khai hải quan để khai bổ sung thông tin trong các trường hợp sau:

b.1) Thông tin khai trên tờ khai hải quan không đầy đủ;

b.2) Thông tin trên tờ khai hải quan không phù hợp với thông tin đơn hàng, thông tin vận chuyển;

c) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử từ chối đăng ký tờ khai hải quan trong trường hợp:

c.1) Thông tin về người mua hàng là cá nhân không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu về dân cư (đối với trường hợp người mua hàng có quốc tịch Việt Nam) hoặc thông tin người mua hàng không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp;

c.2) Hàng hóa không thuộc nhóm 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

4. Việc kiểm tra hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

5. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 28 Nghị định này. Hàng hóa được thông quan theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan.

#### **Điều 27. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm 2**

1. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành.

b) Chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

Việc nộp, xuất trình các chứng từ quy định tại điểm b khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể nộp bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan nộp bản chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Người khai hải quan thực hiện khai một hoặc nhiều đơn hàng thuộc một Bảng kê thông tin vận chuyển trên tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi hàng hóa đến cửa khẩu nhập hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu.

3. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin tờ khai, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra thông tin trên tờ khai hải quan với thông tin đơn hàng, thông tin vận chuyển và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu khác của ngành Hải quan và xử lý như sau:

a) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số tờ khai và phản hồi cho người khai hải quan trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi thông tin cho người khai hải quan để khai bổ sung thông tin trong các trường hợp sau:

b.1) Thông tin khai trên tờ khai hải quan không đầy đủ;

b.2) Thông tin khai trên tờ khai hải quan không phù hợp với thông tin đơn hàng, thông tin vận chuyển;

c) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử từ chối đăng ký tờ khai hải quan trong trường hợp:

c.1) Thông tin về người mua hàng không có, không phù hợp trong cơ sở dữ liệu về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp;

c.1) Thông tin về người mua hàng là cá nhân không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu về dân cư (đối với trường hợp người mua hàng có quốc tịch Việt Nam) hoặc thông tin người mua hàng không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp;

c.2) Hàng hóa không thuộc nhóm 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này.

4. Việc kiểm tra hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

5. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 28 Nghị định này. Hàng hóa được thông quan theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan.

### **Điều 28. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm 3**

1. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành;

b) Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản cho phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về quản lý ngoại thương đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục mặt hàng quản lý theo giấy phép (sau đây gọi chung là giấy phép nhập khẩu);

c) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành);

d) Chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

Việc nộp, xuất trình các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể nộp bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan nộp bản chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra được gửi qua Công thông tin một cửa quốc gia hoặc trên Công dịch vụ công trực tuyến có kết nối với cơ quan hải quan thì người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

2. Người khai hải quan thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 theo từng đơn hàng trên một tờ khai hải quan và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử trước khi hàng hóa đến cửa khẩu nhập hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu.

Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan, trừ trường hợp

pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử kiểm tra thông tin tờ khai hải quan với thông tin đơn hàng, thông tin vận chuyển và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu khác của ngành hải quan và xử lý như sau:

a) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử tự động cấp số đăng ký tờ khai hải quan và phản hồi kết quả phân luồng tờ khai hải quan cho người khai hải quan trong trường hợp kết quả kiểm tra các chỉ tiêu thông tin phù hợp;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử phản hồi thông tin cho người khai để thực hiện khai bổ sung thông tin trong các trường hợp sau:

b.1) Thông tin trên tờ khai hải quan không đầy đủ;

b.2) Thông tin trên tờ khai hải quan không phù hợp với thông tin đơn hàng, thông tin vận chuyển;

c) Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử từ chối đăng ký tờ khai hải quan trong trường hợp:

c.1) Thông tin về người mua hàng là cá nhân không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu về dân cư (đối với trường hợp người mua hàng có quốc tịch Việt Nam) hoặc thông tin người mua hàng không có, không phù hợp với cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp;

c.2) Hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng nhập khẩu phải có giấy phép nhập khẩu mà không có giấy phép nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

4. Trường hợp kiểm tra hồ sơ hải quan: Người khai hải quan xuất trình hồ sơ cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 và Điều 32 Luật Hải quan.

#### 5. Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hóa

a) Người khai hải quan: xuất trình hàng hóa và phối hợp với cơ quan hải quan trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hóa;

b) Cơ quan hải quan thực hiện:

b.1) Kiểm tra hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa qua máy soi, trừ trường hợp máy soi gặp sự cố hoặc hàng hóa không phù hợp với việc kiểm tra qua máy soi hoặc hàng hóa bắt buộc phải kiểm tra trực tiếp bởi công chức hải quan theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan hoặc hàng hóa đã được kiểm tra qua máy soi tại cửa khẩu nhập theo quy định tại Điều 33 Nghị định này;

b.3) Căn cứ hình ảnh kiểm tra qua máy soi, thông tin trên tờ khai hải quan và các thông tin khác có được tại thời điểm kiểm tra để phân tích, đánh giá và

kết luận về hình ảnh kiểm tra qua máy soi. Toàn bộ dữ liệu hình ảnh kiểm tra được lưu trữ trong hệ thống máy soi theo quy định;

b.4) Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi có dấu hiệu vi phạm, thực hiện kiểm tra trực tiếp theo quy định của pháp luật hải quan;

b.5) Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan.

#### 6. Xử lý kết quả kiểm tra:

Việc xử lý kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này.

7. Thông quan hàng hóa: cơ quan hải quan thực hiện thông quan hàng hóa theo Điều 37 Luật Hải quan.

### **Điều 29. Khai bổ sung thông tin tờ khai hải quan**

1. Người khai hải quan được khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan trừ các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan không được khai bổ sung theo quy định của Bộ Tài chính.

#### 2. Hồ sơ khai bổ sung:

a) Tờ khai khai bổ sung theo các chỉ thông tin do Bộ Tài chính ban hành;

b) Các chứng từ liên quan đến việc khai bổ sung (nếu có): 01 bản chụp.

3. Các trường hợp khai bổ sung và thủ tục khai bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

### **Điều 30. Thủ tục hủy tờ khai hải quan**

#### 1. Các trường hợp hủy tờ khai hải quan

a) Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu mà không có hàng hóa đến cửa khẩu nhập;

b) Tờ khai hải quan đã đăng ký, hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành nhưng không có giấy phép;

c) Tờ khai hải quan đã đăng ký nhưng hàng hóa không đáp ứng các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành, sau khi xử lý vi phạm với biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải tái xuất hoặc tiêu hủy;

d) Hàng hóa nhập khẩu đã khai tờ khai hải quan và hoàn thành thủ tục tiêu hủy tại Việt Nam theo quy định;

d) Tờ khai hải quan nhập khẩu đã được đăng ký, chưa thông quan nhưng người mua hoặc người bán hủy đơn hàng;

e) Tờ khai hải quan đã đăng ký nhưng người khai hải quan sai các chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung do Bộ Tài chính ban hành, trừ trường hợp tờ khai hải quan nhập khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng hoặc đưa hàng về bảo quản và hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan.

g) Tờ khai hải quan đã được đăng ký nhưng trùng thông tin với tờ khai hải quan khác.

## 2. Thủ tục hủy tờ khai hải quan

### a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Đối với các trường hợp quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này, người khai hải quan khai thông tin đề nghị hủy tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành và gửi kèm chứng từ chứng minh người mua hoặc người bán hủy đơn hàng (đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này) đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

### b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

b.1) Trường hợp hủy tờ khai hải quan quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm g khoản 1 Điều này: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn tờ khai, hoặc phát hiện tờ khai thuộc trường hợp hủy quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan thực hiện hủy tờ khai hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và thông báo thông tin hủy tờ khai hải quan cho người khai hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b.2) Trường hợp hủy tờ khai hải quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa được tái xuất hoặc nhận được văn bản xác nhận đã thực hiện việc tiêu hủy, cơ quan hải quan thực hiện hủy tờ khai hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử và thông báo thông tin hủy tờ khai hải quan cho người khai hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b.3) Trường hợp hủy tờ khai hải quan quy định tại điểm đ, điểm e, khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận đề nghị hủy tờ khai hải quan của người khai hải quan, công chức hải quan kiểm tra lý do, điều kiện và thông tin tờ khai hải quan đề nghị hủy trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Hải quan phê duyệt, thực hiện việc hủy tờ khai hải quan và phản hồi kết quả cho người khai hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử, xử lý tiền thuế đã nộp (nếu có) theo quy định.

## **Điều 31. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất**

### 1. Hàng hóa tái xuất gồm:

a) Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu nhưng người mua hàng từ chối nhận hàng hoặc không phát được hàng hóa cho người nhận;

b) Hàng hóa không đủ điều kiện nhập khẩu.

### 2. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành;

b) Giấy tờ chứng minh chủ hàng từ chối nhận hàng hoặc không phát được hàng hóa cho người nhận: 01 bản chụp.

3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này (trừ giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành).

4. Trường hợp hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan trừ hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, nhưng do gửi nhầm lẩn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận hàng do không phù hợp với hợp đồng mua bán, nếu người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất, trong đó nêu rõ lý do nhầm lẩn, thất lạc hoặc từ chối nhận hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập:

a) Chủ hàng hoặc người vận chuyển hoặc đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị được tái xuất cho người gửi hàng gửi Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa, nêu lý do nhầm lẩn, thất lạc hoặc lý do từ chối nhận hàng, trong văn bản nêu rõ số vận đơn, dự kiến thời gian xuất, cửa khẩu xuất;

b) Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa căn cứ văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này hoặc Quyết định buộc tái xuất của cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra hồ sơ lô hàng:

Trường hợp không có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện cập nhật thông tin lô hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để tái xuất;

Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng, nếu kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với nội dung trên vận đơn và không phát hiện vi phạm pháp luật thì thực hiện cập nhật thông tin lô hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử để tái xuất. Nếu kết quả kiểm tra không đúng với nội dung trên vận đơn hoặc có thông tin khẳng định lô hàng có vi phạm thì xử lý theo quy định.

5. Chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

#### Mục 4

### GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GIAO DỊCH QUA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

#### Điều 32. Giám sát hàng hóa xuất khẩu

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý kho, địa điểm lưu giữ hàng hóa xuất khẩu chịu sự giám sát hải quan:

a) Cập nhật thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử khi hàng hóa đưa vào, đưa ra kho, địa điểm. Nếu có sự thay đổi thông tin về hàng hóa tại kho, địa điểm thì phải cập nhật sự thay đổi thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Đưa hàng hóa đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu vào khu vực giám sát hải quan để đưa lên phương tiện xuất cảnh chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện xuất cảnh.

c) Chỉ cho phép đưa hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm khi đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan hoặc nhận được thông tin về tạm dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan;

d) Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra thực tế hàng hóa;

d) Hàng hóa xuất khẩu chờ làm thủ tục hải quan và hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan phải được lưu giữ tại các khu vực riêng biệt;

e) Lưu giữ hàng hóa đảm bảo việc xác định được vị trí các lô hàng cần kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

## 2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Thực hiện giám sát hàng hóa xuất khẩu đưa vào, đưa ra kho, địa điểm;

b) Cập nhật thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan và thông tin thay đổi trạng thái tờ khai hải quan: tạm dừng, bỏ tạm dừng; hủy trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

c) Hướng dẫn người khai hải quan hoàn thành thủ tục đối với hàng hóa có thông báo tạm dừng hoặc chưa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan;

d) Thực hiện kiểm tra hàng hóa bằng máy soi hoặc các phương tiện kỹ thuật khác nếu có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp kiểm tra phát hiện vi phạm thì thông báo người khai hải quan mờ hàng hóa để kiểm tra trực tiếp và bị xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của pháp luật; theo quy định.

## **Điều 33. Giám sát hàng hóa nhập khẩu**

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý kho, địa điểm lưu giữ hàng hóa nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan:

a) Cập nhật thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử khi hàng hóa đưa vào, đưa ra kho, địa điểm. Nếu có sự thay đổi thông tin về hàng hóa tại kho, địa điểm thì phải cập nhật sự thay đổi thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

b) Chỉ cho phép đưa hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm khi đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan. Không được phép đưa hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm khi hàng hóa chưa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan hoặc nhận được thông tin về tạm dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan;

c) Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra thực tế hàng hóa;

d) Lưu giữ hàng hóa đảm bảo việc xác định được vị trí các lô hàng cần kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

## 2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

a) Thực hiện giám sát hàng hóa nhập khẩu đưa vào, đưa ra kho, địa điểm;

- b) Cập nhật thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan và thông tin thay đổi trạng thái tờ khai hải quan: tạm dừng, bỏ tạm dừng; hủy;
- c) Hướng dẫn người khai hải quan hoàn thành thủ tục đổi với hàng hóa có thông báo tạm dừng hoặc chưa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan;
- d) Thực hiện kiểm tra hàng hóa bằng máy soi hoặc các phương tiện kỹ thuật khác. Việc lựa chọn hàng hóa kiểm tra tại cửa khẩu nhập do Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử xác định trên cơ sở dữ liệu của Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử. Trường hợp phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm thì kiểm tra trực tiếp hàng hóa và xử lý theo quy định. Trường hợp kiểm tra không phát hiện dấu hiệu vi phạm thì cập nhật thông tin kết quả kiểm tra thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử.

## **Chương VI**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 34. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước**

##### **1. Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan):**

- a) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn, an ninh Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;
- b) Ban hành định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;
- c) Tổ chức thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan đổi với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử;
- d) Cung cấp thông tin về tổng trị giá miễn thuế của tổ chức, cá nhân đã sử dụng cho các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng.
- đ) Cung cấp, chia sẻ dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử theo quy định;
- e) Căn cứ thực tiễn đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng các thủ tục liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh thời điểm áp dụng quy định tại Nghị định này cho phù hợp.

##### **2. Trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực:**

###### **a) Bộ Công Thương:**

- a.1) Công bố công khai danh sách các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng có hoạt động thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức nước ngoài sau khi

được Bộ Công Thương xét duyệt thông báo hoặc đăng ký; thông tin các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng có vi phạm về thương mại điện tử;

a.2) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xử lý các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng có hành vi vi phạm trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử;

a.3) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xử lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

b) Bộ Công an:

b.1) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật.

b.2) Chia sẻ, cung cấp thông tin dữ liệu về:

Đối tượng bị truy tố, khởi tố trong lĩnh vực tài chính, đối tượng buôn lậu, trốn thuế, gian lận thuế, buôn bán, vận chuyển trái phép ma túy, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ, khủng bố, rửa tiền; hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài có dấu hiệu vi phạm pháp luật; tư cách pháp nhân và năng lực tài chính của các đối tác nước ngoài theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Đối tượng nghi vấn vi phạm pháp luật, thông tin liên quan đến các đối tác nước ngoài đang và sẽ hoạt động tại Việt Nam có dấu hiệu tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh trong nước và an ninh quốc tế trong lĩnh vực tài chính;

Tình hình, phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm kinh tế, tội phạm sử dụng công nghệ cao.

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử.

### **Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch thương mại điện tử**

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng:

a) Thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử;

b) Thực hiện cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp cung cấp không chính xác thông tin do người bán hoặc người mua cung cấp cho mình khi gửi thông tin đơn hàng lên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử;

c) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn các giao dịch hàng hóa vi phạm pháp luật Việt Nam;

d) Phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ rà soát và gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng

sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử:

a) Thực hiện cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác của thông tin vận chuyển gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan về thương mại điện tử; trường hợp doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử không có hiện diện tại Việt Nam thì phải ủy quyền cho đại lý ở Việt Nam thực hiện cung cấp thông tin theo quy định;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn hàng hóa vi phạm pháp luật Việt Nam được vận chuyển về Việt Nam.

3. Trách nhiệm của người khai hải quan: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan.

4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tại Việt Nam khi thực hiện mua hàng:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cá nhân cho các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của thông tin cung cấp;

c) Không được mua hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định của pháp luật trong trường hợp địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam.

5. Trách nhiệm của người bán hàng tại Việt Nam thực hiện bán hàng trên các website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng ở nước ngoài:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo quy định cho doanh nghiệp vận chuyển, chủ sở hữu website, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website, ứng dụng thương mại điện tử bán hàng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của thông tin cung cấp;

c) Không được bán hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

## Chương VII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 36. Hiệu lực thi hành**

- 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.
- 2. Nghị định này bãi bỏ:

a) Quyết định 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế.

b) Quy định miễn thuế đối với hàng nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023, chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

### **Điều 37. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

*Nơi nhận:*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGD Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTII (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

## **Phụ lục**

(Kèm theo Nghị định số ...../ND-CP ngày ...../...../.....)

### **Mục lục**

1. Phụ lục I. Chỉ tiêu thông tin đối với người khai đăng ký cấp tài khoản
2. Phụ lục II. Chỉ tiêu thông tin đối với người khai đề nghị khóa tài khoản
3. Phụ lục III. Chỉ tiêu thông tin đối với người khai đề nghị kích hoạt tài khoản
4. Phụ lục IV. Chỉ tiêu thông tin đối với người khai đề nghị thu hồi tài khoản
5. Phụ lục V. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục khai đổi với thông tin đơn hàng.
6. Phụ lục VI. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục khai bổ sung đổi với thông tin đơn hàng.
7. Phụ lục VII. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục khai đổi với thông tin vận chuyển.
8. Phụ lục VIII. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục khai bổ sung đổi với thông tin vận chuyển.
9. Phụ lục IX. Mẫu Bản kê tiền thuế phí phát sinh nộp ngân sách nhà nước.

**Phụ lục I**

**CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐỘI VỚI NGƯỜI KHAI ĐĂNG KÝ CÁP TÀI KHOẢN**

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Lặp lại
<b>I</b>	<b>Thông tin chung</b>		
1	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X	
2	Tên tổ chức (Tiếng Anh)		
3	Tên viết tắt		
4	Năm thành lập	X	
5	Địa chỉ tổ chức	X	
6	Website		
7	Điện thoại	X	
8	Fax		
9	Số đăng ký kinh doanh	X	
10	Mã số thuế của tổ chức	X	
11	Lĩnh vực hoạt động	X	
<b>II</b>	<b>Thông tin người đại diện theo pháp luật</b>		
1	Họ và tên	X	
2	Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/ Định danh cá nhân	X	
3	Điện thoại	X	
4	Di động	X	
5	Email	X	
<b>III</b>	<b>Thông tin chữ ký số</b>		
1	Số hiệu chứng thư số		X
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số		X
3	Tên người được cấp chứng thư số		X
4	Ngày hiệu lực		X
5	Ngày hết hiệu lực		X
6	Khóa công khai		X

**Phụ lục II**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ KHÓA TÀI KHOẢN**

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc
<b>I</b>	<b>Thông tin chung</b>	
1	Mã số thuế của tổ chức	X
2	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X
3	Địa chỉ	
4	Điện thoại	
5	Email	X
<b>II</b>	<b>Thông tin người đại diện theo pháp luật</b>	
1	Họ và tên	X
2	Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân /Định danh cá nhân	X
3	Điện thoại	
5	Email	X
<b>III</b>	<b>Thông tin đề nghị</b>	
1	Tên tài khoản truy cập và sử dụng	X
2	Lý do đề nghị khóa tài khoản	X
3	Thời điểm đề nghị khóa tài khoản	X

**Phụ lục III**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ KÍCH HOẠT TÀI KHOẢN**

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc
<b>I</b>	<b>Thông tin chung</b>	
1	Mã số thuế của tổ chức	X
2	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X
3	Địa chỉ	
4	Điện thoại	
5	Email	X
<b>II</b>	<b>Thông tin người đại diện theo pháp luật</b>	
1	Họ và tên	X
2	Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/ Định danh cá nhân	X
3	Điện thoại	
5	Email	X
<b>III</b>	<b>Thông tin đề nghị</b>	
1	Tên tài khoản truy cập và sử dụng	X
2	Lý do đề nghị kích hoạt tài khoản	X
3	Thời điểm đề nghị kích hoạt tài khoản	X

**Phụ lục IV**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ THU HỒI TÀI KHOẢN**

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc
<b>I</b>	<b>Thông tin chung</b>	
1	Mã số thuế của tổ chức	X
2	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X
3	Địa chỉ	
4	Điện thoại	
5	Email	X
<b>II</b>	<b>Thông tin người đại diện theo pháp luật</b>	
1	Họ và tên	X
2	Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân	X
3	Điện thoại	
5	Email	X
<b>III</b>	<b>Thông tin đề nghị</b>	
1	Tên tài khoản truy cập và sử dụng	X
2	Lý do đề nghị thu hồi tài khoản	X
3	Thời điểm đề nghị thu hồi tài khoản	X

**Phụ lục V**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC KHAI  
 ĐỐI VỚI THÔNG TIN ĐƠN HÀNG**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
1	Số tờ khai thông tin đơn hàng	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai thông tin đơn hàng	
2	Ngày đăng ký tờ khai thông tin đơn hàng	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày đăng ký	
3	Loại đơn hàng	Chi tiêu I: Đơn hàng nhập khẩu Chi tiêu E: Đơn hàng xuất khẩu	
4	Số đơn hàng	Số đơn hàng theo số quản lý đơn hàng của các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng	

**Thông tin tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng**

5	Tên tổ chức cung cấp thông tin đơn hàng	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cung cấp thông tin theo thông tin khi đăng ký tài khoản sử dụng
6	Mã số thuế	
7	Địa chỉ	
8	Số điện thoại liên hệ	

**Thông tin người mua, người nhận hàng**

9	Họ và tên người mua	Thông tin họ và tên người mua/Tên tổ chức
10	Số định danh cá nhân/Mã số thuế của người mua	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số định danh cá nhân của người mua (cá nhân) trong trường hợp người mua có quốc tịch Việt Nam và địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam.</li> <li>Trường hợp người mua (cá nhân) có địa chỉ nhận hàng tại Việt Nam nhưng không có quốc tịch Việt Nam thì khai “NN- số hộ chiếu”.</li> <li>- Mã số thuế đối với tổ chức.</li> <li>- Trường hợp địa chỉ người nhận ở nước ngoài (đơn hàng xuất khẩu): NN.</li> </ul>
11	Số điện thoại người mua	Số điện thoại của người mua
12	Họ và tên người nhận hàng	Thông tin họ và tên người nhận hàng
13	Địa chỉ nhận hàng	Địa chỉ của người nhận hàng.
14	Email của người nhận hàng	Địa chỉ liên hệ qua thư điện tử (email) của người nhận hàng
15	Số điện thoại người nhận hàng	Số điện thoại của người nhận hàng

**Thông tin sàn giao dịch/website thương mại điện tử bán**

**hang (Trường hợp trùng với tổ chức cung cấp thông tin thì chỉ khai các thông tin liên quan đến người bán hàng)**

16	Tên sàn giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng	Tên đầy đủ của sàn giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng
17	Mã số thuế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế của sàn giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng trong trường hợp chủ sàn giao dịch thương mại điện tử/ websites thương mại điện tử bán hàng tại Việt Nam;</li> <li>- Sàn giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng của tổ chức nước ngoài: mã do hệ thống cung cấp.</li> </ul>
18	Địa chỉ	Địa chỉ của sàn giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng
19	Điện thoại	Số điện thoại của sàn giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng
20	Họ và tên người bán hàng	Thông tin họ và tên người bán/tên tổ chức bán hàng
21	Số định danh cá nhân/Mã số thuế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số định danh cá nhân của người bán (cá nhân) trong trường hợp người bán có quốc tịch Việt Nam và địa chỉ gửi hàng tại Việt Nam. Trường hợp người bán (cá nhân) có địa chỉ gửi hàng tại Việt Nam nhưng không có quốc tịch Việt Nam thì khai “NN- số hộ chiếu”.</li> <li>- Mã số thuế đối với tổ chức.</li> <li>- Trường hợp địa chỉ người bán/ tổ chức bán hàng ở nước ngoài: NN.</li> </ul>
22	Số điện thoại người bán	Số điện thoại của người bán/tổ chức bán hàng (nếu có)
23	Địa chỉ người bán (email)	Địa chỉ liên hệ qua thư điện tử (email) của người bán
24	Địa chỉ người bán	Địa chỉ của người bán hàng

#### Thông tin thanh toán

25	Hình thức thanh toán	Chi tiêu 1: Thanh toán khi nhận hàng (COD) Chi tiêu 2: Thanh toán trước khi nhận hàng không dùng tiền mặt. Chi tiêu 3: Khác (không thuộc 02 trường hợp trên)
26	Mã đơn vị thanh toán	Mã đơn vị thanh toán
27	Tên đơn vị thanh toán	Tên đầy đủ của đơn vị thanh toán
28	Số giao dịch thanh toán	Số thanh toán duy nhất của đơn vị thanh toán
29	Tên người thanh toán	Họ và tên người thanh toán hoặc tên tổ chức thanh toán
30	Thời gian thanh toán	Thời gian thanh toán theo định dạng ngày/tháng/năm

31	Tổng số tiền thanh toán	Tổng số tiền thanh toán của đơn hàng	
----	-------------------------	--------------------------------------	--

**Thông tin hàng hóa trong đơn hàng**

32	Số đơn hàng	Số đơn hàng theo số quản lý đơn hàng của sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng	
33	Phí vận chuyển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ô 1: Khai phí vận chuyển của đơn hàng trong trường hợp có thông tin về phí vận chuyển. Trường hợp không có thông tin về phí vận chuyển của từng đơn hàng không phải khai.</li> <li>- Tại ô 2: Khai mã đơn vị tiền tệ của phí vận chuyển.</li> </ul>	
34	Phí bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ô 1: Khai phí bảo hiểm của đơn hàng trong trường hợp có thông tin về phí bảo hiểm. Trường hợp không có thông tin phí bảo hiểm của từng đơn hàng thì không phải khai.</li> <li>- Tại ô 2: Khai mã đơn vị tiền tệ của phí bảo hiểm.</li> </ul>	
35	Số mục hàng	Tổng số mục hàng trong đơn hàng	

**Thông tin chi tiết từng mặt hàng trong đơn hàng (Một đơn hàng được khai nhiều mặt hàng khác nhau)**

36	Số thứ tự mục hàng	Số thứ tự mục hàng trong đơn hàng của sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng	
37	Tên hàng (mô tả hàng hóa)	Tên hàng hóa, mô tả hàng hóa (bằng Tiếng Anh hoặc tiếng Việt)	
38	Xuất xứ	Tên nước xuất xứ của hàng hóa	
39	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
40	Đơn vị tính	Nhập mã đơn vị tính theo bảng mã sử dụng bản mã đơn vị tính tại website Hải quan <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a>	
41	Đơn giá	Nhập đơn giá của hàng hóa	
42	Số tiền thanh toán	Không cần nhập, hệ thống tự động tính theo đơn giá và số lượng	

**Phụ lục VI**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC KHAI BỎ SUNG**  
**ĐỐI VỚI THÔNG TIN ĐƠN HÀNG**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
<b><i>Thông tin chung</i></b>			
1	Số tờ khai thông tin đơn hàng bỏ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai thông tin đơn hàng bỏ sung	
2	Ngày đăng ký tờ khai thông tin đơn hàng bỏ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày đăng ký tờ khai thông tin đơn hàng bỏ sung	
3	Số tờ khai thông tin đơn hàng ban đầu	Số tờ khai thông tin đơn hàng ban đầu	
4	Ngày khai tờ khai thông tin đơn hàng ban đầu	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày khai tờ khai thông tin đơn hàng ban đầu	
5	Thông tin về người khai bỏ sung thông tin đơn hàng (tên tổ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	
<b><i>B Thông tin khai báo chi tiết khai bỏ sung</i></b>			
8	Chi tiêu thông tin khai bỏ sung	Tên chi tiêu thông tin cần khai bỏ sung theo đúng tên chi tiêu thông tin trên tờ khai thông tin đơn hàng ban đầu	
9	Nội dung trước khi khai bỏ sung	Nội dung trước khi khai bỏ sung	
10	Nội dung sau khi khai bỏ sung	Nội dung khai sửa đổi, bỏ sung	
11	Lý do	Lý do khai bỏ sung	
12	Chứng từ chứng minh	Liệt kê chứng từ chứng minh việc khai bỏ sung, gửi kèm chứng từ (nếu có)	

**Phụ lục VII**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC KHAI  
 ĐỐI VỚI THÔNG TIN VẬN CHUYỀN**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
1	Số Bảng kê thông tin vận chuyển	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số Bảng kê thông tin vận chuyển	
2	Tên doanh nghiệp vận chuyển	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật theo thông tin đăng ký tài khoản khi sử dụng Hệ thống	
3	Mã số thuế doanh nghiệp vận chuyển		
4	Địa chỉ doanh nghiệp vận chuyển		
5	Số điện thoại liên hệ doanh nghiệp vận chuyển		
6	Mã phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: “1”: Đường không “2”: Đường biển (container) “3”: Đường biển (hàng rời, lồng...) “4”: Đường bộ (xe tải) “5”: Đường sắt “6”: Đường sông “9”: Khác	
7	Tên phương tiện vận chuyển	Số của phương tiện vận chuyển hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc số phương tiện vận chuyển hàng hóa dự kiến đối với hàng hóa xuất khẩu Ô 1: Nhập hô hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng kí vào hệ thống thì nhập “9999”. Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...) (1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. (2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng kí trên hệ thống dựa trên hô hiệu đã nhập ở ô 1. (3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hàng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí	

		<p>tự), gạch chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>Trường hợp đối với hàng xuất chưa có thông tin về chuyến bay thì nhập như sau: 000000/ngàyIDC theo nguyên tắc trên.</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p> <p>(5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.</p> <p>(6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.</p>
8	Dự kiến thời gian hàng hóa đến cửa khẩu	Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam, đối với hàng hóa xuất khẩu là thời gian dự kiến hàng hóa đến cửa khẩu xuất
9	Tên sàn giao dịch thương mại điện tử/ websites thương mại điện tử bán hàng	Tên sàn giao dịch thương mại điện tử/ websites thương mại điện tử bán hàng
10	Mã số thuế	Mã số thuế của sàn giao dịch thương mại điện tử/ websites thương mại điện tử bán hàng trong trường hợp chủ sàn giao dịch thương mại điện tử/ websites thương mại điện tử bán hàng tại Việt Nam; Trường hợp sàn giao dịch thương mại điện tử/ websites thương mại điện tử bán hàng của tổ chức nước ngoài: mã do Hệ thống cấp

**Mỗi đơn hàng thực hiện khai đầy đủ các chỉ tiêu sau**

11	Số đơn hàng	Số đơn hàng theo số quản lý đơn hàng của các sàn giao dịch thương mại điện tử, Websites thương mại điện tử bán hàng
12	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt (nếu có)
13	Họ và tên người nhận hàng/người gửi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ và tên người nhận hàng hoặc tên tổ chức nhận hàng đối với hàng nhập khẩu.</li> <li>- Họ và tên người gửi hàng hoặc tên tổ chức gửi hàng đối với hàng xuất khẩu.</li> </ul>
14	Địa chỉ nhận hàng/gửi hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ của người/tổ chức nhận hàng đối với hàng nhập khẩu.</li> <li>- Địa chỉ của người/tổ chức gửi hàng đối với hàng xuất khẩu.</li> </ul>
15	Số điện thoại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số điện thoại của người nhận hàng đối với hàng nhập khẩu;</li> </ul>

		- Số điện thoại của người xuất hàng đối với hàng xuất khẩu;
16	Số lượng	<p>Ô 1: nhập tổng số lượng: gói, kiện, thùng, container,...của đơn hàng</p> <p>Ô 2: nhập mã đơn vị tính: cái, chiếc, thùng, ... (Sử dụng bảng “mã loại kiện” trên Website Hải quan: <a href="http://www.customs.gov.vn">www.customs.gov.vn</a> để khai báo)</p>
17	Trọng lượng	Tổng trọng lượng của đơn hàng
18	Trị giá thanh toán	Tổng số tiền thanh toán của đơn hàng
19	Phí vận chuyển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ô 1: Khai phí vận chuyển của đơn hàng trong trường hợp có thông tin về phí vận chuyển. Trường hợp không có thông tin về phí vận chuyển của từng đơn hàng không phải khai.</li> <li>- Tại ô 2: Khai mã đơn vị tiền tệ của phí vận chuyển.</li> </ul>
20	Phí bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ô 1: Khai phí bảo hiểm của đơn hàng trong trường hợp có thông tin về phí bảo hiểm. Trường hợp không có thông tin phí bảo hiểm của từng đơn hàng thì không phải khai.</li> <li>- Tại ô 2: Khai mã đơn vị tiền tệ của phí bảo hiểm.</li> </ul>

**Phụ lục VIII**  
**CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC KHAI BỒ SUNG**  
**ĐÓI VỚI THÔNG TIN VẬN CHUYỀN**

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Ghi chú
<b><i>Thông tin chung</i></b>			
1	Số Bảng kê thông tin vận chuyển bồ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số Bảng kê thông tin vận chuyển bồ sung	
2	Ngày đăng ký số Bảng kê thông tin vận chuyển bồ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày đăng ký số Bảng kê thông tin vận chuyển bồ sung	
3	Số Bảng kê thông tin vận chuyển ban đầu	Số Bảng kê thông tin vận chuyển ban đầu	
4	Ngày khai số Bảng kê thông tin vận chuyển ban đầu	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động ghi nhận ngày khai số Bảng kê thông tin vận chuyển ban đầu	
5	Thông tin về người khai hải quan (tên tờ chức, cá nhân; mã số thuế; địa chỉ; số điện thoại)	Không phải nhập liệu, Hệ thống tự động cập nhật	
<b><i>B Thông tin khai báo chi tiết khai bồ sung</i></b>			
8	Chi tiêu thông tin khai bồ sung	Tên chi tiêu thông tin cần khai bồ sung theo đúng tên chi tiêu thông tin trên Bảng kê thông tin vận chuyển ban đầu	
9	Nội dung trước khi khai bồ sung	Nhập nội dung trước khi khai bồ sung	
10	Nội dung sau khi khai bồ sung	Nhập nội dung khai bồ sung	
11	Lý do	Lý do khai bồ sung	
12	Chứng từ chứng minh	Liệt kê các chứng từ chứng minh việc khai bồ sung, gửi kèm chứng từ (nếu có)	

**Phụ lục IX**  
**MẪU BẢN KÊ TIỀN THUẾ PHÍ PHÁT SINH**  
**NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
 CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: ...../BK-CQBHVNB

**BẢN KÊ TIỀN THUẾ PHÍ PHÁT SINH CHUYÊN NỘP NSNN**  
 ngày ...../...../.....

*ĐVT: VN đồng*

STT	SỐ, NGÀY TỜ KHAI	SỐ, NGÀY BIÊN LAI	SỐ TIỀN ĐÃ NỘP						
			TỔNG SỐ	XK	NK	TTDB	GTGT	BVMT	.....
(1)	(2)	(3)	(4 = 4.1-4.n)	(4.1)	(4.2)	(4.3)	(4.4)	(4.5)	(4.n)
2	Tờ khai 1								
3	Tờ khai 2								
4	.....								
....	.....								
	Cộng								

**NGƯỜI LẬP BẢN KÊ**  
*(Ký, xác nhận)*